

SCI

Số: 1112.2/SCIEC - CBTT

(V/v: CBTT Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 301/GCN-UBCK ngày 11/12/2020 của Công ty Cổ phần SCI E&C do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chứng nhận..

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên

- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI THỰC HIỆN



Nguyễn Chính Đại

Số: 301/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần SCI E&C;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: SCI E&C JOINT STOCK COMPANY;
- Tên viết tắt: SCI E&C;
- Trụ sở chính: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25 tháng 10 năm 2019;



– Vốn điều lệ: 120.999.680.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần SCI E&C được đăng ký chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 13.309.964 cổ phiếu (mười ba triệu ba trăm linh chín nghìn chín trăm sáu mươi tư cổ phiếu), trong đó:
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 12.099.968 cổ phiếu;
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 604.998 cổ phiếu;
 - Phát hành cổ phiếu cho người lao động trong công ty: 604.998 cổ phiếu.
4. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán tính theo mệnh giá: 133.099.640.000 đồng (một trăm ba mươi ba tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: CTCP Chứng khoán VIX.

Điều 3. Công ty cổ phần SCI E&C phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần SCI E&C, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Sơn

SCI

Số: 1112.1/SCIEC - CBTT

(V/v: CBTT Bản cáo bạch 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Bản cáo bạch Chào báo bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần SCIE&C.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC



Nguyễn Chính Đại

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỐ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỐ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỐ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2010, thay đổi lần thứ 12 ngày 25/10/2019)

CHÀO BÁN CỐ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 201/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2020)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380

Website: <https://ibsc.vn>

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày:...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính: Tầng 3 - Tháp C - Tòa nhà Golden Palace - Đường Mễ Trì – Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 33 868 243 Fax: (84.24) 3371 9676

Website: <http://www.sci-enc.com>

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Nguyễn Chính Đại

Chức vụ: Giám đốc công ty

Điện thoại: 024.3386.8243

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2010, thay đổi lần thứ 12 ngày 25/10/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCI E&C
- ❖ Mã chứng khoán: SCI
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng chào bán: 13.309.964 cổ phiếu
- ❖ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu, Cán bộ Công nhân viên, trả cổ tức bằng cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 133.099.640.000 đồng *(Một trăm ba mươi ba tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)*
- ❖ Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 127.049.660.000 đồng *(Một trăm hai mươi bảy tỷ không trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)*

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380
Website: <https://vixs.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Trụ sở chính: Tầng 14 tòa nhà Sudico đường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Điện thoại: (024) 38.689.566/88 Fax: (024) 38.686.248
Web: www.kiemtoanava.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380
Website: <https://vixs.vn>

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro đặc thù	8
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	9
5.	Rủi ro pha loãng	10
6.	Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc tăng vốn	12
7.	Rủi ro khác	12
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1.	Tổ chức phát hành	12
2.	Tổ chức tư vấn, Tổ chức bảo lãnh phát hành	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM	13
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	16
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	17
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty	23
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	26
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	26
7.	Hoạt động kinh doanh	28
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	38
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	39
10.	Chính sách đối với người lao động	41
11.	Chính sách cổ tức	46
12.	Tình hình tài chính	47
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng	53
14.	Tài sản	67
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	70
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	71
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	71

18.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	72
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	72
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	72
1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	72
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	72
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	72
4.	Giá chào bán dự kiến:.....	72
5.	Phương pháp tính giá:	72
6.	Phương thức phân phối	72
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	74
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	75
9.	Phương thức thực hiện quyền.....	76
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	76
11.	Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng	77
12.	Các loại thuế có liên quan	77
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	78
14.	Mục đích phát hành cổ phiếu	75
15.	Nguồn thực hiện	75
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	78
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	78
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	83
1.	Tổ chức kiểm toán.....	83
2.	Tổ chức tư vấn, Tổ chức bảo lãnh phát hành	83
IX.	PHỤ LỤC.....	84

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

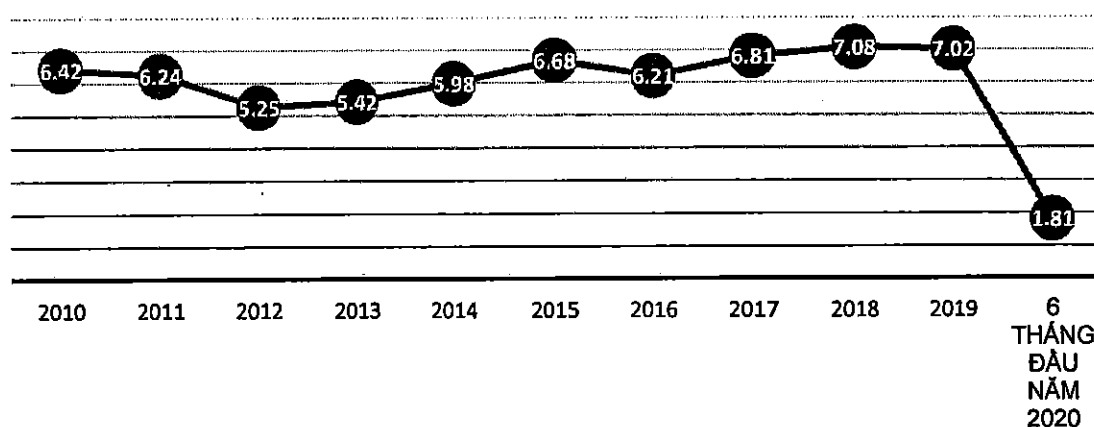
Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI E&C. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục có sự tăng trưởng cao so với năm 2018. Tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP có giảm hơn so với năm 2018 tuy nhiên chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và tăng cường.

Mức tăng trưởng năm 2019 đã vượt mục tiêu 6,6 – 6,8% khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cùng nỗ lực thực hiện để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2019 duy trì mức tăng trưởng cao với 8,86%. Khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng với mức tăng 11,29%. Ngành khai khoáng tăng nhẹ ở mức 1,29%

sau 3 năm sụt giảm liên tiếp. Khu vực dịch vụ năm 2019 tăng 7,3%, chỉ thấp hơn mức tăng 7,47% của năm 2011 và 7,44% của năm 2017 trong giai đoạn 2011-2019. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm năm 2019 như: Bán lẻ tăng 8,82% so với năm 2018, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%, ngành vận tải, kho bãi tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 9,12%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,71%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 đạt mức tăng trưởng thấp do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng cây trồng, ngành chăn nuôi chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu Phi, nông sản gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu. Tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 đạt 2,01%.

Năm 2019, đóng góp năng suất của các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018).

GDP 6 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Đây chính là nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%, khu vực dịch vụ tăng 0,57%.

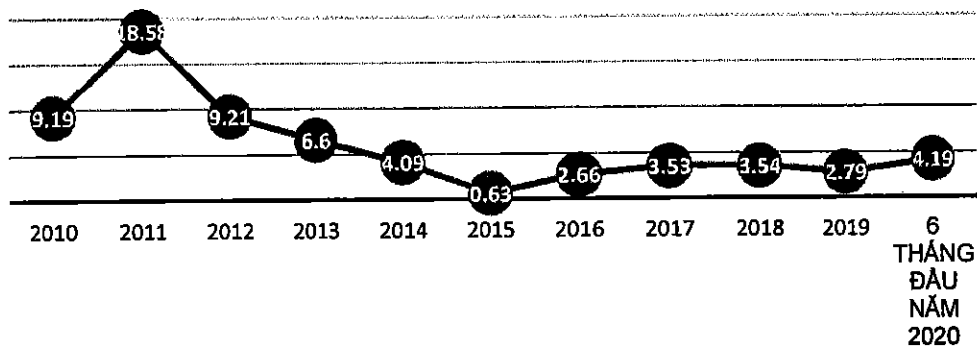
Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, những vấn đề về dịch bệnh và sức khỏe khó lường. Việc tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng của những biến động từ kinh tế thế giới phần nào cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển chủ động tìm kiếm thêm nguồn khách hàng và thị trường mới, tăng cường đầu tư để đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần giảm dần được đà tăng của lạm phát. Chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2010 – 2020 cụ thể như sau:

Biểu 2: Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, đây là mức tăng cao nhất trong 9 năm qua. Có 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng Mười Hai tăng so với tháng trước, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 3,42%, chủ yếu do nhóm thực phẩm tăng 4,41% (làm CPI chung tăng 1%). Tính chung quý IV/2019, CPI tăng 2,01% so với quý trước và tăng 3,66% so với quý IV/2018. CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra, đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua

CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 4,19% so với bình quân cùng kỳ năm 2019. CPI bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,15%); (ii) Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 14,28% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 3,23%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 68,2% (làm CPI chung tăng 2,86%); (iii) Giá các mặt hàng đồ uống, thuốc lá và các loại quần áo may sẵn tăng cao, lần lượt tăng 1,7% và 0,93% so với cùng kỳ năm 2019.

Hoạt động của các doanh nghiệp thi công, lắp đặt như Công ty Cổ phần SCI E&C luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

1.3 Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn.

Tính đến thời điểm 19/6/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,59% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,05%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,35% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,09%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,45% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,22%) và đây là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất của thời điểm 19/6 các năm 2016-2020.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có những điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1%-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản và tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp; trong đó giảm 0,6%-0,75%/năm mức lãi suất trần tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm mức lãi suất trần cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên. Hiện nay, lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4%-4,25%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,9%-6,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,5%-7,4%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với cho vay ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với cho vay trung và dài hạn.

Công ty Cổ phần SCI E&C có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần SCI E&C chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khung pháp lý luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian vừa qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của những thay đổi giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào, Công ty luôn có bộ phận đánh giá nhận định về thị trường nguyên nhiên liệu để có chính sách kinh doanh phù hợp. Đồng thời trong hoạt động sản xuất, Công ty cũng xây dựng những khoản dự phòng cho những rủi ro này. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2 Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công

trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

3.3 Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.4 Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ra ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này, Công ty Cổ phần SCI E&C dự kiến chào bán thêm 13.309.964 cổ phiếu trong đó số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 12.099.968 cổ phiếu (theo tỷ lệ 1:1) với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 604.998 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) là 604.998 cổ phiếu với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu SCI trên thị trường tính tại thời điểm xây dựng hồ sơ chào bán (ngày 18/08/2020) là 44.100 đồng/cổ phiếu.

Có thể xuất hiện rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với các điều kiện và tiêu chí lựa chọn như sau:

- Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Đáp ứng được tiêu chí lựa chọn: Là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực về tài chính hoặc có khả năng và nguồn lực mà Hội đồng quản trị Công ty xét thấy có thể đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh để mang lại lợi ích cho Công ty trong tương lai.
- Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu theo quy định về chào mua công khai được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty.

- Không được chào bán cho các đối tượng là công ty con của Công ty Cổ phần SCI E&C.

Bên cạnh đó, do đợt chào bán này được bảo lãnh phát hành toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, nên trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, thì Công ty cũng không chịu rủi ro của việc này. Số tiền thu về vẫn đảm bảo đủ để tài trợ cho mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty.

4.2. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Công ty dự kiến sử dụng số tiền 127.049.660.000 đồng thu được từ đợt chào bán để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, gia tăng năng lực tài chính đảm bảo nguồn lực cho cạnh tranh và phát triển. Đồng thời Công ty cũng thực hiện đầu tư xe, máy thiết bị và bổ sung nguồn vốn lưu động để thực hiện các dự án đang triển khai với vai trò là tổng thầu EPC.

Cụ thể phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty cổ phần SCI E&C như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư xe, máy thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết.	34.102.200.000
2	Bổ sung vốn lưu động cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC	92.947.460.000
	Tổng cộng	127.049.660.000

❖ Rủi ro của việc triển khai các dự án:

Các dự án Công ty đang thực hiện triển khai với vai trò tổng thầu EPC là các dự án năng lượng bao gồm thủy điện và điện gió. Đây đều là những hợp đồng có giá trị lớn. Việc thời gian thi công kéo dài, đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh khó lường như hiện nay, nguồn nguyên vật liệu, máy móc phục vụ cho các dự án sẽ bị hạn chế phần nào hoặc tiến độ cung cấp sẽ bị giãn hơn so với kế hoạch. Điều này ảnh hưởng đến nguồn doanh thu, lợi nhuận cũng như công tác quản lý vận hành của Doanh nghiệp.

5. Rủi ro pha loãng

Theo kế hoạch triển khai của Công ty thì dự kiến đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ hoàn tất vào quý IV/2020

Trong trường hợp chào bán thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty dự kiến sẽ tăng từ 12.099.968 cổ phiếu lên 25.409.932 cổ phiếu. Các nhà đầu tư nên lưu ý các vấn đề sau liên quan đến mức độ pha loãng cổ phần:

5.1. Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty với tốc độ tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thể ảnh hưởng đến chỉ số EPS, cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = $(X \times 12 + Y \times T)/12$
- ✓ X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán
- ✓ Y: Số lượng cổ phiếu chào bán
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử ngày hoàn tất đợt chào bán này là ngày 31/10/2020. Khi đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = $(12.099.968 \times 12 + 13.309.964 \times 2)/12 = 14.318.295$ cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến của Công ty năm 2020: 44.960.000.000 đồng (được tính toán dự trên kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020).

- EPS dự kiến của năm 2020 trong trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu:
 $44.960.000.000/12.099.968 = 3.715$ đồng/cổ phiếu
- EPS dự kiến của năm 2020 sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu:
 $44.960.000.000/14.318.295 = 3.140$ đồng/cổ phiếu

Như vậy, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu sau khi Công ty chào bán cổ phiếu có thể giảm 575 đồng (tương ứng giảm 15,48%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

5.2. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

Tại thời điểm 31/12/2019, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 16.369 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.3. Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu SCI trên thị trường

Giá cổ phiếu SCI sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu SCI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau: $P_{pl} = (P_t + P_r \times I)/(1 + I + D)$; Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_t : Giá cổ phiếu SCI tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_r : 10.000 đồng/cổ phiếu (Giá chào bán đối với người có quyền mua cổ phiếu)
- I : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành quyền mua cổ phiếu
- D : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Giá định giá thị trường của cổ phiếu SCI tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 30.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 5% và phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động (tỷ lệ 5%) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu SCI sau khi pha loãng là:

$(30.000 + 10.000 \times 1/1)/(1 + 1 + 1/20) = 19.512$ đồng/cổ phiếu.

5.4. Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua cộng với tỷ lệ chào bán cho cán bộ công nhân viên theo

chương trình lựa chọn người lao động trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc tăng vốn

6.1. Rủi ro về quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu phát hành thêm là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành và có thể phát sinh các xung đột lợi ích dẫn đến việc quản trị điều hành Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống. Việc tăng vốn lên sẽ tạo nên những áp lực lớn hơn, đòi hỏi Công ty có thể phải điều chỉnh định hướng hoạt động và mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh để đem lại hiệu quả tương ứng với quy mô vốn mới. Khi đó, Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động do cơ chế quản lý cũ không theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Ông: Nguyễn Văn Phúc	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Chính Đại	Chức vụ: Giám đốc Công ty
Ông: Phan Thanh Hải	Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Ông: Cao Lữ Phi Hùng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

**2. Tổ chức tư vấn, Tổ chức bảo lãnh phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX**

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán VIX tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành với Công ty cổ phần SCI E&C. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần SCI E&C cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần SCI E&C
Công ty	Công ty Cổ phần SCI E&C
SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

- Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
 - + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng;
 - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe;
 - + Xây dựng đường dây và trạm biến thế.
- Từ năm 2007 đến năm 2010: Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
 - + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng;
 - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe;
 - + Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây;
 - + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
 - + Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Từ năm 2010 đến năm 2016: Công ty tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
 Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư. Tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại.
- Từ năm 2017 đến nay: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần SCI E&C để đồng bộ với các Công ty trong Tập đoàn và vẫn tiếp tục phát triển các ngành nghề theo định hướng chiến lược.
- Hiện tại, mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần SCI E&C là 121 tỷ đồng.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
Tên viết tắt:	SCI – E&C
Tên tiếng Anh:	SCI E&C Joint Stock Company
Trụ sở chính:	Tầng 3 - Tháp C - Tòa nhà Golden Palace - Đường Mỹ Trì – Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội
Giấy CNĐKKD:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500574676 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần 12 ngày 25/10/2019
Vốn điều lệ:	120.999.680.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng)
Vốn thực góp:	120.999.680.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng)
Điện thoại:	(84.24) 3386 8243 Fax: (84.24) 3386 8243
Website:	http://www.sci-enc.com
Email:	sci-enc@scigroup.vn



Logo:

Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25 tháng 10 năm 2019, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

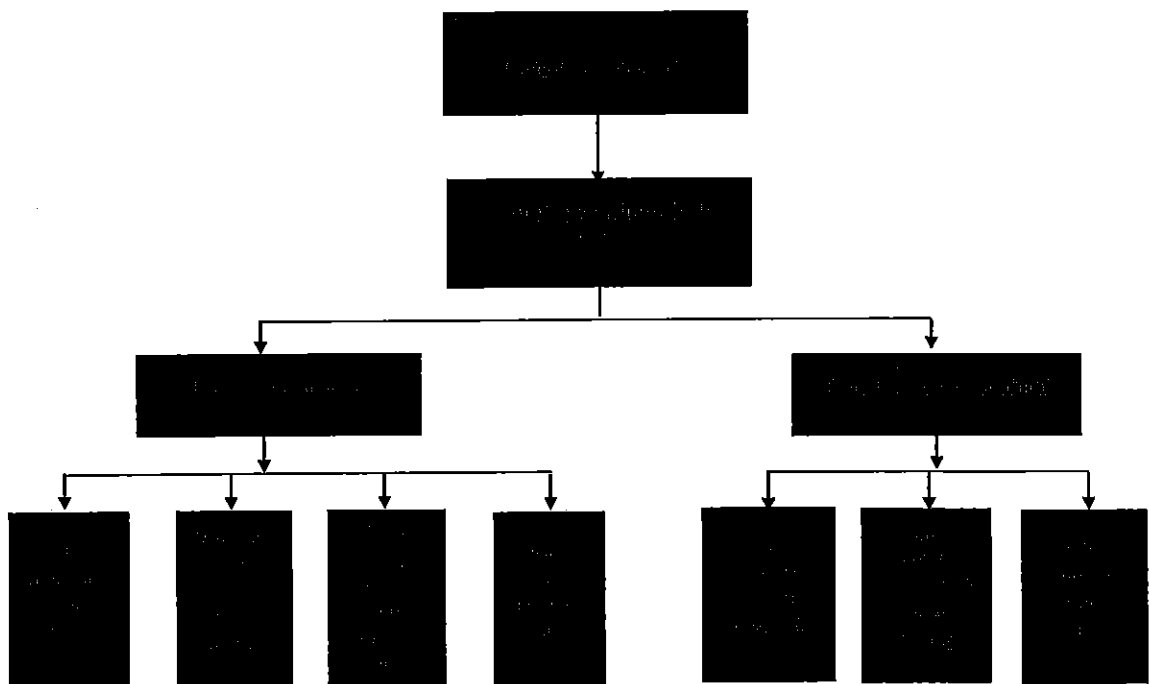
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như

máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần SCI E&C



Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ và công ty con, cụ thể:

❖ **Công ty mẹ:**

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Địa chỉ: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tel: (84-24) 3768 4495 - Fax: (84-24) 3768 4490

Email: sci@groupsci.vn

Website: www.scigroup.vn

Tỷ lệ sở hữu: 60,5%

❖ **Các Công ty con, chi nhánh trực thuộc:**

a. Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc

Địa chỉ: Bàn Nà Cúng, xã Bàn Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Tel: 0981.187.058

Tỷ lệ sở hữu: 100%

b. Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung

Địa chỉ: Thôn Phùng Lâm, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Tel: 0868.523.889

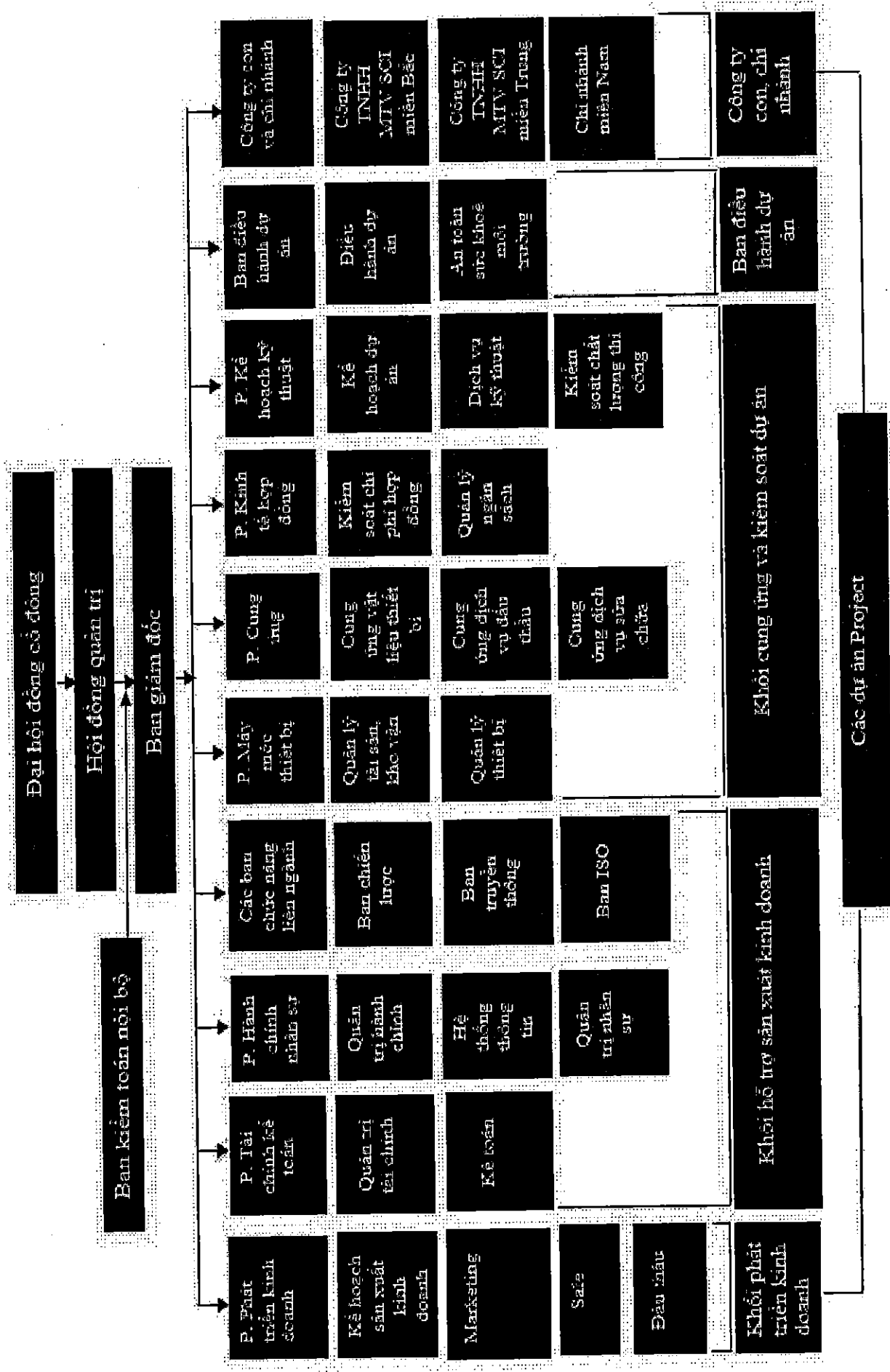
Tỷ lệ sở hữu: 100%

c. Chi nhánh Miền Nam

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Tel: (84.24) 33 868 243

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Công ty Cổ phần SCI E&C được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Giám đốc Công ty và các phòng ban, đội, chi nhánh, công ty thành viên. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

3.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Phúc | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Phan Thanh Hải | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tài Sơn | - Thành viên HĐQT |

3.3 Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- | | |
|------------------------|----------------|
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Giám đốc |
| - Ông Phan Thanh Hải | - Phó giám đốc |
| - Ông Nguyễn Cao Hải | - Phó giám đốc |
| - Ông Nguyễn Công Hòa | - Phó giám đốc |

3.4 Các phòng ban, đội, chi nhánh, Công ty thành viên

Các phòng ban, bộ phận, Chi nhánh, Công ty thành viên trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

a. Phòng phát triển kinh doanh

- Triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, thực hiện lập các báo cáo phục vụ công tác điều hành sản xuất của lãnh đạo Công ty;

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường theo kế hoạch phát triển kinh doanh đã được lãnh đạo công ty thông qua;
 - Đã thực hiện hồ sơ đấu thầu các dự án.
 - Hoàn thiện năng lực pháp lý của Công ty phù hợp với quy định của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
 - Thực hiện đẩy mạnh công tác truyền thông, nghiên cứu xây dựng chiến lược truyền thông nâng cao hiệu quả truyền thông tập trung vào các đối tượng mục tiêu hiệu quả.
- b. Phòng tài chính kế toán
- Công tác tài chính:
 - + Triển khai lập kế hoạch giải ngân hàng tháng để có kế hoạch tài chính phù hợp ;
 - + Công tác thu vốn, thanh toán quyết toán được đặc biệt chú trọng, tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động SXKD liên tục;
 - + Cân đối vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Công tác kế toán:
 - + Tổ chức hạch toán, ghi chép sổ sách kế toán theo đúng quy định hiện hành;
 - + Quản lý và lưu trữ hóa đơn, chứng từ, sổ sách theo đúng quy định;
 - + Thực hiện tính toán và thanh toán các khoản chi phí lương, phúc lợi hàng tháng cho người lao động theo đúng quy định của Công ty;
 - + Thực hiện công tác thanh toán nội bộ và thanh toán cho các nhà cung cấp kịp thời để đảm bảo hoạt động SXKD diễn ra bình thường;
 - + Lập và công bố các BCTC theo đúng chuẩn mực, đúng thời gian quy định;
 - + Thực hiện công tác kiểm toán theo đúng quy định. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định về kế toán hiện hành của Nhà nước.
- c. Phòng hành chính nhân sự
- Thực hiện các chức năng quản lý công tác hành chính và công tác nhân sự, bao gồm các lĩnh vực sau:
 - + Công tác tổ chức tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự;
 - + Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và chế độ của người lao động;
 - + Công tác hành chính văn phòng, quản trị mạng, website của Công ty;
 - + Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu công việc hoặc do Ban lãnh đạo giao.
- d. Các ban chức năng liên ngành
- Ban Chiến lược:
 - + Tổ chức thiết lập, triển khai và kiểm soát mục tiêu chiến lược của công ty trên các cấp độ (cấp công ty, cấp phòng ban/dự án, cấp cá nhân);
 - + Lập kế hoạch và kiểm soát các rủi ro ảnh hưởng đến các mục tiêu chiến lược;
 - + Truyền thông chiến lược trên các cấp độ công ty.
 - Ban Truyền thông:
 - + Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông;

- + Xây dựng, phát triển và quản trị các kênh truyền thông, hiệu quả;
 - + Tổ chức các sự kiện truyền thông;
 - + Xây dựng và giám sát tuân thủ hệ thống nhận diện thương hiệu của công ty.
- Ban ISO:
- + Nghiên cứu thiết lập, triển khai áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến vào thực tiễn hoạt động SXKD của Công ty;
 - + Hoạch định các công việc liên quan việc thiết lập, vận hành, và cải tiến HTQLCL;
 - + Trực tiếp thực hiện thiết lập HTQLCL hoặc phân công, giám sát các nhân viên liên quan thực hiện thiết lập theo kế hoạch;
 - + Áp dụng HTQLCL. Đào tạo nhận thức của nhân viên trong công ty về HTQLCL;
 - + Giám sát, đánh giá việc áp dụng HTQLCL;
 - + Quan hệ với tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận trong các công việc liên quan việc thiết lập, vận hành, duy trì và cải tiến HTQLCL;
 - + Thiết lập, duy trì và đẩy mạnh phong trào cải tiến trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục trong toàn Công ty;
 - + Báo cáo đến Giám đốc công ty về HTQLCL
- e. Phòng máy móc thiết bị
- Quản lý cơ giới:
- + Hàng tháng tập hợp khối lượng làm việc của các thiết bị, đưa ra danh sách các thiết bị dự kiến bảo dưỡng tháng tiếp theo để có phương án dự trữ vật tư và thời gian cho thiết bị vào bảo dưỡng;
 - + Triển khai thí điểm công tác định vị GPS đối với một số thiết bị trên công trường, Hàng ngày tập hợp các thông số của xe máy (giờ, km hoạt động, lượng tiêu hao nhiên liệu), so sánh với các thông số do dự án báo cáo ;
 - + Hàng tháng cập nhật tình trạng của xe máy toàn Công ty, đề ra công tác sửa chữa và dự phòng vật tư các xe máy, rút ngắn thời gian cung cấp vật tư và thời gian sửa chữa xe máy toàn Công ty;
 - + Đảm bảo tính pháp lý cho tất cả các thiết bị xe máy khi đưa vào sử dụng (bảo hiểm, đăng ký, đăng kiểm, quota, transit...);
 - + Thường xuyên cập nhật danh sách các thiết bị, cân đối nhu cầu sử dụng của các dự án, đưa ra các phương án điều chuyển và bổ xung xe máy thiết bị một cách phù hợp nhất, phát huy tối đa hiệu quả trong sử dụng xe máy;
 - + Thường xuyên xem xét sự phù hợp của quy trình quản lý, nâng cấp, cải tiến để quy trình phù hợp hơn với thực tế triển khai tại các dự án.
 - + Thường xuyên kiểm tra xe máy thiết bị để kịp thời đưa ra cảnh báo cần thiết đối với công tác sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành tại các dự án, đặc biệt là các dự án mới triển khai, điều kiện thi công khó khăn chưa ổn định;
 - + Thường xuyên kết hợp với các dự án - Giám sát quá trình bảo dưỡng và chất lượng vật tư khi bảo dưỡng.
- Vật tư - kho vận:

- + Thường xuyên thực hiện báo cáo nhập xuất tồn tại kho ở các dự án (định kỳ 1 tháng 1 lần), từ đó xây dựng kế hoạch cung cấp vật tư cho phù hợp cho từng dự án;
- + Triển khai, kết hợp và thực hiện quản lý mã vật tư giữa bộ phận mua hàng Công ty, phòng kế toán Công ty với thủ kho và bộ phận mua hàng của dự án, đảm bảo sự thống nhất về mã vật tư trong toàn Công ty;
- + Thường xuyên cập nhật các công cụ dụng cụ của từng dự án để có kế hoạch điều chuyển và bổ sung hợp lý, đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả nhất.
- + Thường xuyên kết hợp với các dự án trong công tác sắp xếp kho bãi, đảm bảo tính khoa học, dễ nhìn dễ lấy và dễ kiểm.- đảm bảo tính an toàn trong công tác lưu trữ vật tư phụ từng kho.

f. Phòng Cung ứng

- Công tác cung ứng:

- + Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời công tác mua hàng để cung ứng nguồn lực đầu vào cho các dự án trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các dự án có yêu cầu tiêu chuẩn chuyên biệt;
- + Tìm hiểu thêm về công nghệ, thiết bị của các dự án mới thực hiện và sẽ thực hiện trong thời gian tới như Điện mặt trời, Điện gió;
- + Mở rộng và trực tiếp nhập khẩu từ gốc các mặt hàng mà nhà sản xuất là các doanh nghiệp ngoài nước;
- + Tích cực khảo sát hàng hoá trên thị trường, tìm hiểu tận nguồn nơi sản xuất hàng hoá nhằm góp phần giảm thiểu chi phí mua hàng;
- + Duy trì và thiết lập mối quan hệ với nhà cung cấp uy tín, đảm bảo tiết kiệm thời gian giao dịch, cấp hàng đúng tiến độ, chất lượng với mức giá ưu đãi hợp lý nhất;
- + Tham vấn cho Ban lãnh đạo về biến động thị trường các loại hàng hoá có giá trị lớn hoặc là nguồn tài nguyên cốt lõi cho công tác sản xuất của Công ty.

- Công tác sửa chữa đột xuất:

- + Thường xuyên cập nhật danh mục xe máy thiết bị hỏng hóc cần sửa chữa; kết hợp với bộ phận sửa chữa của dự án đưa ra các phương án sửa chữa và thay thế vật tư phù hợp nhất, đảm bảo tính hiệu quả và kinh tế trong quá trình sửa chữa;
- + Hạn chế tới mức thấp nhất số lượng các xe máy hỏng hóc đột xuất. Nâng cao khả năng dự báo các đầu mục xe máy hỏng hóc bằng cách thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng theo đúng thời gian của nhà chế tạo đề ra, phát hiện kịp thời các dấu hiệu có khả năng dẫn đến hỏng hóc và đưa ra các phương án xử lý kịp thời;
- + Cập nhật các phương pháp sửa chữa mới và hiệu quả, các đơn vị sửa chữa có khả năng sửa chữa các thiết bị của Công ty. Thường xuyên trao đổi thông tin giữa phòng MMTB, bộ phận sửa chữa các dự án và đối tác nhằm nâng cao hiệu quả, khả năng tay nghề của thợ sửa chữa, tiến tới mục tiêu thợ sửa chữa Công ty làm chủ được công tác sửa chữa các thiết bị của Công ty.

g. Phòng kinh tế hợp đồng

- Ban hành quy định ký kết hợp đồng kinh tế và mẫu hợp đồng kinh tế: Đảm bảo các

điều khoản trong hợp đồng chặt chẽ, đúng pháp lý;

- Bảo vệ trước đơn vị Tư vấn và các Chủ đầu tư, Tổng thầu để phê duyệt dự toán các hạng mục thi công đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
- Thực hiện lập hồ sơ đề xuất tài chính, tính toán giá thành cho các gói thầu Công ty tham gia đấu thầu;
- Triển khai lập kế hoạch chi phí và kiểm soát chi phí hàng tháng theo kế hoạch;

h. Phòng kế hoạch kỹ thuật

- Quản lý chặt chẽ kế hoạch khối lượng, tiến độ thi công, biện pháp thi công các hạng mục thi công trên các công trường, duy trì và thực hiện nghiêm túc việc giám sát kế hoạch tiến độ thi công, đưa ra các cảnh báo kịp thời;
- Chủ trì, phối hợp tốt với các bộ phận liên quan trong giai đoạn chuẩn bị triển khai thực hiện dự án: lập biện pháp, tiến độ thi công, lập kế hoạch cung ứng...;
- Từng bước chuyên môn hóa bộ phận kỹ thuật công ty để chủ động trong công tác thiết kế BVTC, lập biện pháp thi công, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công của các dự án do công ty làm Tổng thầu.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác yêu cầu, cung cấp và tiêu hao vật tư, vật liệu tại các dự án.
- Lập đề xuất kỹ thuật của công tác đấu thầu, chào giá;
- Cập nhật báo cáo định kỳ thường xuyên và chính xác để có những chỉ đạo kịp thời trong tác quản lý;
- Triển khai ứng dụng mô hình BIM vào quản lý khối lượng và lập bản vẽ thi công;
- Công tác an toàn, vệ sinh, môi trường được quan tâm, chú trọng. Tăng cường phổ biến và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về an toàn, môi trường tại các dự án do Công ty thi công. Trang bị thiết bị bảo hộ kịp thời đầy đủ, đảm bảo chất lượng. Người lao động thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn về an toàn lao động.

i. Công ty con và chi nhánh

Công ty con, Chi nhánh trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh các Dự án của Công ty được hiệu quả và đúng theo quy định của Pháp luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty Cổ phần SCI E&C và những người có liên quan:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)	Ghi chú
----	-------------	---------	-------------------	-------------------	---------

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần SCI	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đ.Mễ Trì, P.Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	7.320.500	60,5	
2	Nguyễn Văn Phúc	2518 nhà R4, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	30	0,0	Chủ tịch HĐQT SCI E&C
3	Nguyễn Chính Đại	11, tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20	0,0	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc SCI E&C
4	Nguyễn Công Hùng	P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	1	0,0	Thành viên HĐQT SCI E&C
5	Phan Thanh Hải	P.1909 Toà CT7K KĐT Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	624	0,0	Thành viên HĐQT SCI E&C
6	Nguyễn Tài Sơn	A4 lô 3 khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	0	0,0	Thành viên HĐQT SCI E&C
7	Nguyễn Cao Hải	Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình	0	0,0	Phó Giám đốc SCI E&C
8	Nguyễn Công Hoà	Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị	0	0,0	Phó Giám đốc SCI E&C
9	Cao Lữ Phi Hùng	Tổ 35, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội	0	0,0	Kế toán trưởng SCI E&C
10	Đoàn Thế Anh	CT4-4, KĐT Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0,0	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc SCI
11	Nguyễn Minh Hùng	Căn hộ 2808, tòa V2, Home City, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0,0	Thành viên HĐQT SCI
12	Phạm Văn Nghĩa	P1210-CT5-N4-KĐT Mỹ Đình	0	0,0	Phó Tổng

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)	Ghi chú
		2, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Giám đốc SCI
13	Phan Dương Mạnh	CT4, chung cư The Pride, LA Khê, Hà Đông	0	0,0	Kế toán trưởng SCI
10	Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Bản Nà Cúng, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	0	0,0	Công ty con
11	Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Thôn Phùng Lâm, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	0	0,0	Công ty con

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

1	Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206-H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Phổ thông	46	460.000	0,00038
2	Nguyễn Công Hùng	Phường 1, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	Phổ thông	1	10.000	0,000008
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Phổ thông	0	0	0
Tổng cộng				47	470.000	0,000388

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

Công ty Cổ phần SCI E&C đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010. Theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 01: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 28/05/2020

TT	Đối tượng	Số lượng cổ	Số lượng cổ	Tỷ lệ nắm giữ
----	-----------	-------------	-------------	---------------

1	Cổ đông trong nước	507	12.099.926	99,9996
	- Cá nhân	499	4.652.818	38,4531
	- Tổ chức	8	7.447.108	61,5465
2	Cổ đông ngoài nước	3	42	0,0004
	- Cá nhân	3	42	0,0004
	- Tổ chức	0	0	0
TỔNG CỘNG		510	12.099.968	100,00

Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - VSD

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ:

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Địa chỉ: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tel: (84-24) 3768 4495 - Fax: (84-24) 3768 4490

Email: sci@groupsci.vn

Website: www.scigroup.vn

Tỷ lệ sở hữu: 60,5%

5.2. Các Công ty con, các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

a. Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc

Địa chỉ: Bản Nà Cúng, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Tel: 0981.187.058 - Fax:

Tỷ lệ sở hữu: 100%

b. Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung

Địa chỉ: Thôn Phùng Lâm, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Tel: 0868.523.889 - Fax:

Tỷ lệ sở hữu: 100%

5.3. Các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành
Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

❖ Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ cùng với phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh qua các năm như sau:

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Thành lập 31/05/2010	50.000.000	50.000.000	Vốn góp ban đầu	Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở KHĐT

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				Hà Nội cấp ngày 31/05/2010
20/07/2015	100.000.000	50.000.000	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%; - Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng; - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ- SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 4 ngày 16/09/2015
22/08/2018	109.999.950	9.999.950	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/NQ-SCIEC- ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/09/2018.
28/06/2019	120.999.680	10.999.730	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-SCIEC- ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/09/2019.

❖ Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 214/SICCO-BCKQ ngày 20/07/2015 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tổng số cổ phiếu đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu, trong đó: cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 phát

hành thành công 500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 5 tỷ đồng (được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối), cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 4.250.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 42,5 tỷ đồng. Số cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) là 250.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 2,5 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) là 45 tỷ đồng.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG

STT	Nội dung sử dụng vốn	Dự kiến sử dụng	Số tiền		Ghi chú
			Đã sử dụng	Chưa sử dụng (*)	
1	Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết	10.000.000.000	6.702.686.284	3.297.313.716	
2	Bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết	35.000.000.000	35.000.000.000	-	
	Tổng cộng	45.000.000.000	41.702.686.284	3.297.313.716	

Nguồn: Công ty Cổ phần SCI E&C

(*) Năm 2016, Công ty đã tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết từ nguồn vốn trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2015. Cụ thể: tháng 4/2016, Công ty đã mua 2 máy khoan của Công ty TNHH Máy xây dựng Vi Trác. Tổng số tiền đã thanh toán theo Hợp đồng là 4.070.000.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn huy động từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng: 3.297.313.716 đồng;

+ Vốn tự có khác: 772.686.284 đồng.

Tuy nhiên, do sơ suất nên Công ty đã không thể hiện nội dung sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu trong báo cáo tài chính năm 2016. Công ty cam kết mọi nội dung liên quan đến sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu năm 2015 là xác thực và được sử dụng đúng mục đích.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Các hoạt động kinh doanh chính

- Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty Cổ phần SCI E&C hoạt động chính trong lĩnh vực Tổng thầu các dự án về năng lượng. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

+ Lĩnh vực xây dựng các dự án năng lượng

Công ty hiện là tổng thầu EPC các dự án về năng lượng: Thủy điện Canan 1, 2, Thủy điện Nậm Lùm 1,2, Thủy điện Nậm Sam 3, Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận, Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2, 3, Nhà máy điện gió Gelex 1,2,3... Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

+ Lĩnh vực giao thông

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Công trình mở rộng quốc lộ 1 qua tỉnh Phú Yên; ... Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

+ Sản xuất cơ khí

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5 - 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hòa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

+ Các lĩnh vực khác

Dịch vụ kinh doanh vật tư sẫm lớp Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 5% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

7.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển dự án của Công ty

❖ Dự án Nhà máy thủy điện Namthuyên 1:

- Hoàn thành đào vai phải và hố móng đập đúng tiến độ để bàn giao mặt bằng cho Tổng thầu thi công hạng mục bê tông đầm lăn.
- Hoàn thành bóc phủ mỏ đá để tiến hành khai thác đá sản xuất đá dăm.
- Cấp đá trạm nghiền phục vụ sản xuất bê tông đến hết ngày 20/11/2019.

❖ Dự án nhiệt điện Long Phú 1:

- Hợp đồng sản xuất/thi công đóng cọc: Đáp ứng tiến độ/chất lượng theo yêu cầu của dự án. Đã hoàn thành đóng cọc tất cả các hạng mục đủ điều kiện thi công;
- Hợp đồng thi công gói thầu số 2 hạng mục cửa nhận nước và trạm bơm nước làm mát: Hoàn thành 90% công việc của hạng mục (phần nạo vét, tường cánh, rọ đá chưa thể triển khai do vướng mắc về thiết kế và lắp đặt thiết bị từ Tổng thầu PTSC-PM);
- Hợp đồng thi công hệ thống xử lý nước: Hoàn thành 90% công việc của các hạng mục đã đủ điều kiện để triển khai, đáp ứng tiến độ/chất lượng theo yêu cầu của dự án;
- Hợp đồng thi công đường ống dẫn nước làm mát: Đã hoàn thành thi công 8/9 Block và công tác bê tông cốt thép Hồ bảo dưỡng khớp nối ống #1&2 theo hợp đồng đã ký đảm bảo tiến độ của Dự án;
- Hợp đồng thi công đài móng kho than: Đã thi công hoàn thành toàn bộ các tiểu hạng mục đủ điều kiện về thiết kế và vật tư lắp đặt, hoàn thành 96% công việc của Gói thầu.

❖ Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Lụm 2:

- Triển khai hoàn thiện công tác thiết kế bản vẽ thi công đáp ứng kịp thời tiến độ thi công các hạng mục.
- Triển khai thi công các hạng mục đường TCVH và phụ trợ, lán trại:
 - + Tuyến đường VH1: Hoàn thành thông tuyến, hoàn thiện đạt 70% khối lượng;
 - + Tuyến đường VH2 : Hoàn thành thi công;

- + Tuyến đường TC1: Hoàn thành thi công;
- + Tuyến đường TC2: Thi công thông tuyến được 55% chiều dài tuyến;
- + Tuyến đường TC3 : Hoàn thành thi công;
- + Đường dây thi công 35kV giai đoạn 1: Hoàn thành công tác xây dựng, thi công kéo rải đường dây và đóng điện trạm biến áp TBA-1 (Khu Nhà máy) và TBA-3 (Hầm phụ 1);
- + Khu lán trại tổng thầu và công nhân, sửa chữa, kho (VH1): Đã hoàn thành công tác xây dựng và đưa vào sử dụng;
- + Đường dây thi công 35kV giai đoạn 2: Hoàn thành công tác xây dựng, thi công kéo rải đường dây và đóng điện trạm biến áp TBA-4 (Khu Trạm nghiền) và TBA-5 (Hầm số 1);
- + Trạm trộn bê tông 60m³/h-Nhà máy: Hoàn thành công tác xây dựng, đã vận hành;
- + Trạm nghiền 90T/h: Hoàn thành công tác xây dựng, đang vận hành chạy thử;
- + Trạm trộn bê tông 60m³/h-Cụm đầu mối: Hoàn thành công tác san nền, đang tiến hành xây dựng bê tông móng trạm.
- Triển khai thi công các hạng mục công trình chính:
 - + Nhà máy GD1: Hoàn thành công tác đào và gia cố mái.
 - + Nhà máy GD2 : Tiến hành công tác khoan phun gia cố và đào hố móng nhà máy GD2 đạt 36% khối lượng thiết kế.
 - + Gương hầm nhà máy - Giếng đứng: Hoàn thành công tác đào và gia cố cửa hầm, công tác đào hầm đạt 29% chiều dài.
 - + Hầm phụ số 1: Hoàn thành công tác đào và gia cố cửa hầm, công tác đào hầm và gia cố tạm đạt 78% chiều dài.
 - + Gương hầm Cửa nhận nước về hầm phụ 1: Hoàn thành công tác đào và gia cố cửa hầm, triển khai công tác đào hầm.
 - + Cụm đầu mối : Khối lượng đào hố móng vai trái đạt 80% khối lượng.

❖ **Dự án Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận:**

- Dự án chính thức phát điện thương mại vào ngày 13/05/2019, vượt tiến độ 01 tháng so với hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư 16/05/2019.

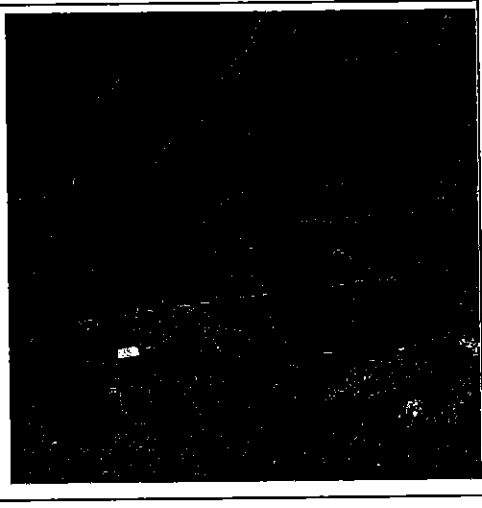
❖ **Dự án Nhà máy thủy điện Nam Sam 3:**

- Tập kết 50% số lượng thiết bị phục vụ thi công (máy đào, máy xúc, ô tô, máy ủi, máy đầm, máy khoan ...);
- Hoàn thành san nền và xây dựng lán trại khu nhà máy;
- Hoàn thành san nền khu phụ trợ nhà máy, triển khai công tác xây lắp trạm nghiền đá, trạm trộn bê tông;
- Hoàn thành thi công đường điện 22KV giai đoạn 1 cấp điện cho khu nhà máy;
- Hoàn thành hệ thống cấp nước khu phụ trợ nhà máy;

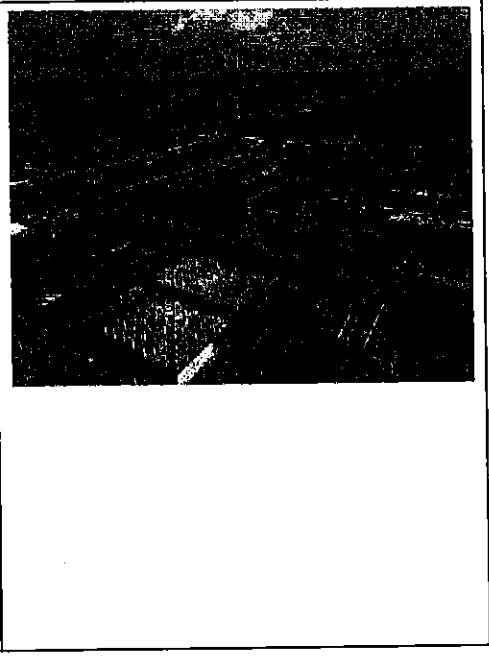
- Triển khai thông tuyến đường vận hành dẫn vào đập, đường dẫn vào Hàm phụ 3, thi công Cầu qua suối... ;

Một số dự án của Công ty:

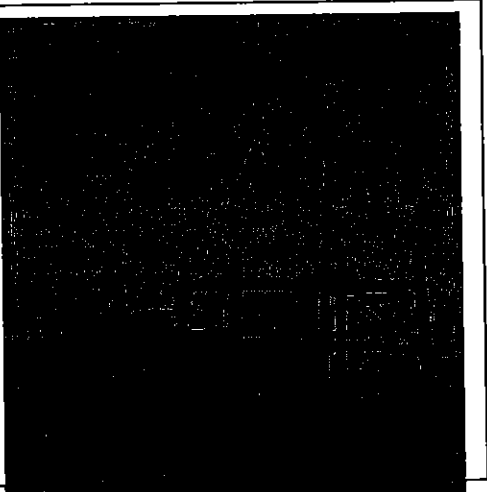
Dự án: Xây dựng Nhà máy Thủy điện II		
Chủ đầu tư:	Tập đoàn Phonensack	
Cấp công trình	Cấp I	
Công suất	650MW	
Địa điểm	Nước Lào	
Khối lượng	Đào đắp	4.800.000 m ³
	Gia cố mái:	70.500 m ²
Giá trị	410.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ	Đang thực hiện	




Dự án: Xây dựng Nhà máy Thủy điện III		
Chủ đầu tư	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt	
Cấp công trình	Cấp I	
Công suất	1.200MW	
Địa điểm	Tỉnh Sóc Trăng	
Khối lượng	Cung cấp, đóng cọc BTCT dự ứng lực	500.000 md
	Thi công bê tông	61.000 m ³
	Đắp đất, cát	860.000 m ³
Giá trị	1.100.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ	Đang thực hiện	

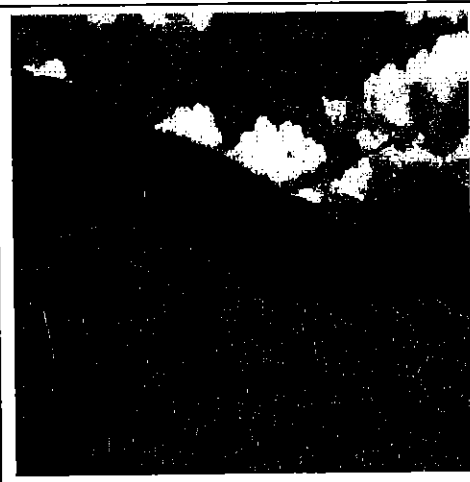


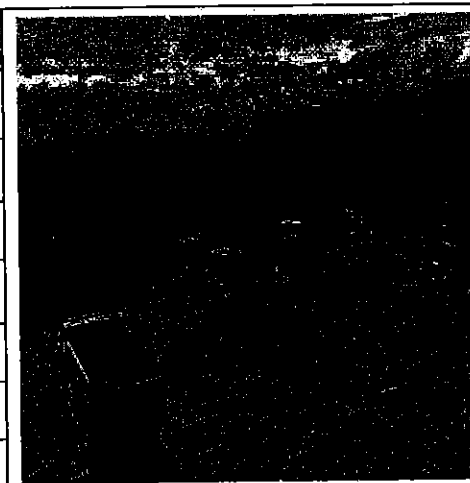
Dự án: Xây dựng Cảng nhận thiết bị		
Chủ đầu tư	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt	
Địa điểm	Tỉnh Sóc Trăng	
Công việc	Xây dựng cảng nhận thiết bị	
Khối lượng	Bê tông	2.800 m ³
	Đóng cọc BTCT dự ứng lực D500	12.500 m
Giá trị	55.000.000.000 VNĐ	




Tiến độ	Đã hoàn thành	
---------	---------------	--

Dự án Điện		
Chủ đầu tư	Công ty TNHH SCI Nghệ An	
Cấp công trình	Cấp III	
Công suất	16MW	
Địa điểm	Tỉnh Nghệ An	
Hợp đồng thi công	Tổng thầu EPC	
Giá trị hợp đồng	481.695.964.381 VNĐ	
Tiến độ	Đã hoàn thành	

Dự án Điện		
Chủ đầu tư	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	
Cấp công trình	Cấp III	
Công suất	18MW	
Địa điểm	Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu	
Hợp đồng thi công	Tổng thầu EPC	
Giá trị hợp đồng	519.740.911.179 VNĐ	
Tiến độ	Đang thực hiện	

Dự án Điện		
Chủ đầu tư	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	
Cấp công trình	Cấp III	
Công suất	8 MW	
Địa điểm	Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu	
Hợp đồng thi công	Tổng thầu EPC	
Giá trị hợp đồng	240.639.484.600 VNĐ	
Tiến độ	Đang thực hiện	

Dự án Điện		
Chủ đầu tư	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận	

Địa điểm	Tỉnh Ninh Thuận
Công việc	Tổng thầu EPC
Khối lượng	50MW
Giá trị	1.100.000.000.000 VNĐ
Tiến độ	Đã hoàn thành

7.3 Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Bảng 02: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	2018		2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	1.014.330	99,56	1.359.940	99,04	779.781	97,78
Doanh thu bán hàng hóa	45.430	4,46	76.143	5,55	133.717	16,77
Doanh thu hợp đồng xây dựng	968.900	95,10	1.283.797	93,49	646.064	81,01
Doanh thu hoạt động tài chính	4.469	0,44	13.211	0,96	17.743	2,22
Tổng cộng	1.018.799	100	1.373.151	100	797.524	100

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Tổng doanh thu năm 2018, 2019 lần lượt là 1.018.799 triệu đồng và 1.373.151 triệu đồng. Năm 2019 doanh thu tăng 354.352 triệu đồng tương ứng với tăng 35% so với năm 2018. Tổng doanh thu Quý III/ 2020 của Công ty là 797.524 triệu đồng. Trong đó, doanh thu về hợp đồng xây dựng là lớn nhất, chiếm 81,01% tổng doanh thu tính đến ngày 30/09/2020.

Bảng 03: Cơ cấu doanh thu Công ty hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	2018		2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	1.014.330	99,56	1.316.316	99,01	651.837	97,25
Doanh thu bán hàng hóa	45.430	4,46	38.660	2,91	5.773	0,86
Doanh thu hợp	968.900	95,10	1.277.656	96,10	646.064	96,39

đồng xây dựng						
Doanh thu hoạt động tài chính	4.469	0,44	13.211	0,99	18.402	2,75
Tổng cộng	1.018.799	100	1.329.527	100	670.239	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

Tổng doanh thu năm 2018,2019 lần lượt là 1.018.799 triệu đồng và 1.329.527 triệu đồng. Năm 2019 doanh thu tăng 310.728 triệu đồng tương ứng với tăng 30% so với năm 2018. Tổng doanh thu Quý III/2020 của Công ty là 670.239 triệu đồng. Trong đó, doanh thu về hợp đồng xây dựng là lớn nhất, chiếm 96,39% tổng doanh thu tính đến ngày 30/09/2020.

7.4 Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2018 – 2019

Bảng 04: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu thuần	1.014.330	1.359.940
2	Lợi nhuận sau thuế	20.990	42.055

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019

Bảng 05: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu thuần	1.014.330	1.316.316
2	Lợi nhuận sau thuế	20.990	41.957

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019

7.5 Chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty Cổ phần SCI E&C quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty hiện nay là triển khai thi công xây lắp cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, công trình dân dụng, giao thông và hạ tầng, nên các chi phí về nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất thường rất lớn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là giá vốn hàng bán. Các chi phí này chiếm đến hơn 90% tổng doanh thu trong những năm gần đây. Tuy nhiên, có một điểm khá tích cực là tốc độ tăng giá vốn hàng bán thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu trong giai đoạn 2018 – 2019. Điều này cho thấy bên cạnh việc đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, Công ty cũng có những biện pháp để kiểm soát chi phí.

Bảng 06: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/tổng doanh thu thuần Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

T	Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	30/09/2020
---	----------	----------	----------	------------

T		Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
I	Tổng doanh thu	1.018.799	100	1.373.151	100	797.524	100
1	Doanh thu thuần	1.014.330	99,56	1.359.940	99,04	779.781	97,78
2	Doanh thu tài chính	4.469	0,44	13.211	0,96	17.743	2,22
II	Chi phí	993.095	97,48	1.318.800	96,04	676.331	84,80
1	Giá vốn hàng bán	941.017	92,37	1.240.995	90,38	564.967	70,84
2	Chi phí tài chính	23.288	2,29	42.153	3,07	52.351	6,56
3	Chi phí quản lý	28.790	2,83	35.652	2,60	59.013	7,40

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Bảng 07: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/ tổng doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		30/09/2020	
		Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/Tổng Doanh thu
I	Tổng doanh thu	1.018.799	100	1.329.527	100	670.239	100
1	Doanh thu thuần	1.014.330	99,56	1.316.316	99,01	651.837	97,25
2	Doanh thu tài chính	4.469	0,44	13.211	0,99	18.402	2,75
II	Chi phí	993.096	97,48	1.275.294	95,92	550.260	82,10
1	Giá vốn hàng bán	941.017	92,37	1.197.456	90,07	438.390	65,41
2	Chi phí tài chính	23.289	2,29	42.168	3,17	52.373	7,81
3	Chi phí quản lý	28.790	2,83	35.670	2,68	59.497	8,88

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

Tổng doanh thu hợp nhất trong năm 2018 đạt 1.018.799 triệu đồng. Trong khi đó đến năm 2019, tổng doanh thu đã đạt đến 1.329.527 triệu đồng tương đương với tăng 30,50%. Chi phí tài chính tăng nhẹ từ 2,29% lên 3,17% trong hai năm 2018 và 2019 trong khi chi phí quản lý

lại giảm ở mức thấp hơn sự tăng trưởng của doanh thu trên tổng chi phí. Tính đến ngày 30/09/2020, Tổng doanh thu hợp nhất của công ty là 670.239 triệu đồng.

7.6 Hoạt động Marketing

Thương hiệu, uy tín chính là tài sản của Công ty, trong mọi hoạt động của mình, Công ty luôn nỗ lực xây dựng hình ảnh thương hiệu tương xứng với tầm vóc và quy mô phát triển trong từng giai đoạn với định vị thương hiệu SCI E&C.

Hiện nay, bộ nhận diện thương hiệu của SCI E&C được xây dựng và đồng bộ cùng với bộ nhận diện SCIGROUP của toàn bộ các Công ty trong cùng hệ thống. Với mục tiêu trở thành nhà thầu xây dựng có thương hiệu và uy tín cao trong lĩnh vực xây dựng thủy điện, hạ tầng giao thông thủy bộ, hạ tầng công nghiệp, bên cạnh việc nâng cao năng lực thi công, xây lắp, Công ty cũng thực hiện quảng bá hình ảnh công ty qua các kênh và các hoạt động như sau:

- Thành lập Ban truyền thông, đưa Fanpage Công ty vào hoạt động, nhằm mục đích tổ chức triển khai công tác truyền thông nội bộ, truyền thông đối ngoại, quảng bá thương hiệu cho SCI E&C nói riêng và toàn hệ thống SCIGROUP nói chung..
- Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng đồng bộ bộ nhận diện thương hiệu đã xây dựng trong năm 2019.

7.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

- Biểu tượng logo của Hệ thống SCIGROUP:



- Website của Công ty: <http://www.sci-enc.com>

7.8 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 08: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng thiết kế; cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình số: 14/2020/SCILC/NX-HĐEPC	647	01/04/2020	Quý II/2020 - Quý II/2022	Dự án: Thủy điện Nậm Xe	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
2	Hợp đồng thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình số: 23/2020/HĐEPC/G ELEX 1,2,3	3.224	25/02/2020	20 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng (trước ngày 25/10/2021)	Dự án: Nhà máy điện gió GELEX 1,2,3	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị
3	Hợp đồng thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình số: 38/2019/HĐEPC/Đ GHP 2,3	1.832	25/12/2019	Trước ngày 30/06/2021	Dự án: Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2 (Công suất 20MW) và Hướng Phùng 3 (Công suất 30MW)	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng
4	Hợp đồng thiết kế bản vẽ thi công; cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình số: 08/2019/SCILC/NL 1-HĐEPC	241	10/12/2019	Quý IV/2019 – Quý IV/2022	Dự án: Thủy điện Nậm Lùm 1	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu
5	Hợp đồng cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình số 07/2019/HĐTC-SCI-SCIE&C	3.909	18/10/2019	Quý IV/2019 – Quý II/2023	Dự án: Thủy điện Nam Sam 3	Công ty Cổ phần SCI
6	Hợp đồng thiết kế; cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình số: 15/2019/SCILC/NL 2-HĐEPC	520	28/02/2019	Quý I/2019 – Quý IV/2021	Dự án: Thủy điện Nậm Lùm 2	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

Bảng 09: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm 2019/2018	30/09/2020
Tổng giá trị tài sản	942.038	1.049.260	11	2.385.718
Doanh thu thuần	1.014.330	1.359.940	34	779.781
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.703	54.349	111	121.121
Lợi nhuận khác	584	(1.771)	(403)	287
Lợi nhuận trước thuế	26.288	52.578	100	121.408
Lợi nhuận sau thuế	20.990	42.055	100	97.120
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	5%	(50%)	-

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/ 2020

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm 2019/2018	30/09/2020
Tổng giá trị tài sản	942.038	1.020.799	8	2.317.933
Doanh thu thuần	1.014.330	1.316.316	30	651.837
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.703	54.233	111	119.907
Lợi nhuận khác	584	(1.771)	(403)	285
Lợi nhuận trước thuế	26.288	52.462	100	120.192
Lợi nhuận sau thuế	20.990	41.957	100	96.269
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	5%	(50%)	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Những thuận lợi

- Trong những năm trước kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên từ năm 2013 trở lại đây, sản xuất trong nước đã bắt đầu phục hồi thể hiện qua tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong khi lãi suất, lạm phát được kiểm soát. Đối với các ngành sản xuất kinh doanh của Công ty, Chính phủ đang có nhiều chính sách hỗ trợ đặc biệt nhằm đẩy mạnh đầu tư công vào các lĩnh vực hạ tầng, năng lượng.
- Hiện SCI E&C có một đội ngũ cán bộ kỹ sư, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và chủ đầu tư.

- Sự đoàn kết nhất trí, tâm huyết của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty cùng với việc tổ chức ổn định bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ đảm bảo cho việc điều hành hoạt động hiệu quả và chủ động sáng tạo trong công việc.
- Công ty cổ phần SCI E&C là đơn vị thi công có bề dày kinh nghiệm trong các lĩnh vực Thủy điện, Nhiệt điện, công trình trên sông, trên biển, hạ tầng kỹ thuật và giao thông; cầu kiện bê tông đúc sẵn. Đặc biệt, trong năm qua Công ty đã thực hiện thành công dự án nhà máy điện mặt trời GELEX Ninh Thuận và tiếp tục được Chủ đầu tư tin tưởng lựa chọn làm Tổng thầu EPC cho các dự án điện gió, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Công ty trong lĩnh vực thi công các công trình năng lượng tái tạo.
- Công ty có đội ngũ lao động năng động, giàu kinh nghiệm đã tham gia nhiều dự án lớn trong và ngoài nước với lợi thế mạnh là thi công cơ giới. Những năm qua Công ty đã mạnh dạn đầu tư một số thiết bị thi công chuyên ngành, nhờ không ngừng nâng cao năng lực kinh nghiệm, áp dụng công nghệ tiên tiến, tất cả những Gói thầu mà SCI E&C thực hiện đều đạt tiến độ, chất lượng, an toàn và được Chủ đầu tư đánh giá cao.

b. Những khó khăn

- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến suy thoái, thị trường bất động sản và xây dựng không ổn định, nguy cơ bong bóng luôn hiện hữu. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ bản, thời gian thi công các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu và bàn giao được thực hiện từng phần, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thông nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất thời gian,... ảnh hưởng tới quá trình giải ngân từ đó có thể dẫn tới việc công ty bị chiếm dụng vốn.
- Thị trường trong nước các dự án thuộc nhóm dự án cốt lõi theo định hướng ngành nghề của Công ty đang dần bị thu hẹp (đặc biệt là các dự án Thủy điện). Bên cạnh đó sự xuất hiện ngày càng nhiều các Nhà thầu quốc tế và trong nước tạo nên các đối thủ cạnh tranh mới, việc tìm kiếm việc làm tại thị trường trong nước gặp rất nhiều khó khăn.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty gặp không ít khó khăn trong việc điều động nhân sự, máy móc thiết bị, vật tư vật liệu phục vụ thi công các dự án, đặc biệt là các dự án ngoài nước như thủy điện Nam Sam 3.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần SCI E&C tiền thân là một đơn vị thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Trong quá trình hoạt động và phát triển Công ty đã đảm nhận thi công nhiều công trình công nghiệp và dân dụng trên khắp mọi miền đất nước. Nhiều công trình năng lượng Công ty đã và đang tham gia thi công như: Thủy điện Canan 1, 2, Thủy điện Nậm Lùm 1,2, Thủy điện Nậm Sam 3, Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận, Nhà máy điện gió Hương Phùng 2, 3, Nhà máy điện gió Gelex 1,2,3... Công trình đường giao thông bên Lào; Công trình mở rộng quốc lộ 1 qua tỉnh Phú Yên; ...

Trong giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển trong những năm tới, Công ty không ngừng đổi mới, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Với kinh nghiệm nhiều năm thi công xây dựng các công trình công nghiệp, cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên tâm huyết, Công ty tin tưởng sẽ thành công trong việc điều chỉnh định hướng hoạt động.

9.2 Triển vọng phát triển ngành

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chính vì vậy, việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng và năng lượng là điều tất yếu.

Chu kỳ kinh tế mới đang hình thành và Chính phủ Việt Nam đang thực hiện chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế. Trong đó, chi xây dựng các công trình giao thông chiếm 40% – 50% chi đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ. Trong điều kiện hiện tại của Việt Nam, tăng chi tiêu của Chính phủ dành cho đầu tư xây dựng cơ bản sẽ là điều kiện thúc đẩy tăng đầu tư xây dựng công trình giao thông, hạ tầng.

Theo quy hoạch phát triển các công trình giao thông, hạ tầng tại Việt Nam từ 2010 - 2020 và định hướng tới 2030 mà Chính phủ Việt Nam đưa ra, tổng mức đầu tư xây dựng giao thông đường bộ tại Việt Nam sẽ là 1.687.317 tỷ đồng, trung bình mỗi năm vốn đầu tư xây dựng giao thông đường bộ sẽ là 168.731 tỷ đồng.

Ngành xây dựng đường bộ được dự báo có tốc độ tăng trưởng 11% kể từ 2015 - 2023, tốc độ tăng trưởng này được dự báo dựa trên vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ Việt Nam, và quy hoạch phát triển giao thông đường bộ tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, với sự quan tâm của Nhà nước cùng sự phát triển của Đất nước trong xu thế chung của toàn thế giới, ngành xây dựng công trình giao thông, hạ tầng sẽ có động lực để phát triển trong tương lai.

Thị trường điện Việt Nam hiện nay có cung nhỏ hơn cầu, dự báo mức tăng trưởng tiêu thụ điện sẽ tăng nhanh 11% - 12% /năm, cao hơn dự báo tăng trưởng sản lượng 8%/năm. Để đáp ứng mức độ tăng trưởng nhu cầu về sử dụng điện trong cả nước, các công trình thủy điện, nhiệt điện sẽ được ưu tiên phát triển và khuyến khích đầu tư theo Chiến lược phát triển Điện Việt Nam và Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia các giai đoạn của Chính phủ. Dự kiến tổng công suất tích năng của các hồ thủy điện dự kiến đạt 2.400 MW vào năm 2020 và sẽ nâng lên 5.700 MW vào năm 2030. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời cũng đang được Chính Phủ quan tâm và tạo nhiều điều kiện phát triển. Hiện nay các dự án điện gió và điện mặt trời phát triển một cách nở rộ và đóng góp một phần không nhỏ trong chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng của quốc gia.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với định hướng trở thành một công ty chuyên về xây lắp, Công ty lấy thi công hạ tầng, giao thông thủy bộ, thủy điện làm chủ lực, tạo thế phát triển bền vững.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển của lĩnh vực cơ sở hạ tầng chưa phát triển tương xứng với tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế. Mặc dù trong những năm vừa qua Chính phủ đã thực hiện đầu tư rất nhiều cho hệ thống hạ tầng tại Việt Nam như việc mở rộng, xây dựng các tuyến đường quốc lộ, xây dựng hệ thống thoát nước, chống úng ngập....nhưng rõ ràng điều này vẫn chưa đủ. Hơn nữa, ngoài các đô

thị lớn như Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, công trình giao thông tại các vùng khác cũng rất lớn, đặc biệt là các khu công nghiệp,... Chính vì vậy, trong tương lai, đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng vẫn là lĩnh vực hứa hẹn có nhiều tiềm năng và được quan tâm đầu tư mạnh mẽ.

Với nhận định như vậy, Công ty cũng thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng, đáp ứng được nhu cầu phát triển và ứng dụng được sự thay đổi của công nghệ trong lĩnh vực hoạt động.

Như vậy có thể nói, định hướng SCI E&C đưa ra là phù hợp với năng lực nội tại của Công ty, định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Danh sách lao động:

Lao động gián tiếp

TT	Nghề nghiệp	Tổng số	Nữ	Trong đó		Số lượng	Nữ
				Lãnh đạo	Nhân viên		
				Số lượng	Nữ	Số lượng	Nữ
	Tổng cộng	168	20	36	1	132	19
I	Trên đại học	7	0	3	0	4	0
II	Đại học	121	17	33	1	88	16
1	KS xây dựng	51	1	19	0	32	1
2	KS cơ khí	6	0	2	0	4	0
3	KS trắc địa	3	1	1	0	2	1
4	KS địa chất, KS mỏ	8	1	0	0	8	1
5	Kỹ sư máy xây dựng	1	0	0	0	1	0
6	Kỹ sư thủy điện, thủy lợi	15	1	8	0	7	1
7	CN Tài chính	19	8	2	1	17	7
8	Cử nhân kinh tế	8	3	1	0	7	3
9	Đại học khác	10	2	0	0	10	2
III	Cao đẳng	17	0	0	0	17	0
IV	Trung cấp	23	3	0	0	23	3

Lao động trực tiếp

TT	Nghề nghiệp	Số lượng	Ghi chú
	Tổng cộng	383	
1	Lái ô tô	110	
2	Thợ vận hành máy xúc	57	
3	Thợ vận hành máy ủi	22	
4	Thợ mỏ	22	
5	Thợ vận hành xe mix	18	

TT	Nghề nghiệp	Số lượng	Ghi chú
6	Thợ vận hành khoan tự hành	17	
7	Thợ cơ khí	8	
8	Thợ lái máy xúc lật	8	
9	Thợ vận hành trạm nghiền	13	
10	Thợ vận hành trạm trộn	6	
11	Thợ vận hành bơm bê tông tĩnh	6	
12	Thợ lái cầu bánh xích	6	
13	Thợ lái san	2	
14	Thợ lái xe cầu thùng	2	
15	Thợ lái xe chở dầu	4	
16	Lao động phổ thông	82	

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

10.2 Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty để xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI E&C luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các

ng nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

c. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

10.3 Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty:

A. Mục đích của chương trình ESOP

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên trong Công ty.
- Giữ chân và thu hút lãnh đạo cao cấp.
- Gắn kết hiệu quả lao động của cán bộ nhân viên với lợi ích chung và sự phát triển của toàn Công ty.
- Tạo động lực thúc đẩy tăng hiệu quả làm việc của người lao động.

B. Nội dung chương trình ESOP (Employee Stock Ownership Plan)

a. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia:

- Là toàn bộ lao động gián tiếp có tên trong bảng lương của Công ty Cổ phần SCI E&C; Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung, Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc (là 02 công ty con có 100% vốn của Công ty Cổ phần SCI E&C) đến ngày 30/09/2020, đồng thời thỏa mãn một trong hai điều kiện dưới đây:
 - + Có thâm niên từ đủ 01 năm trở lên.
 - + Đang là quản lý cấp trung trở lên (bao gồm cả Hội đồng quản trị).
- Đã có quá trình gắn bó hoặc có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty.
- Có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty và có khả năng phát triển trong tương lai.
- Có điều kiện để tiếp tục cống hiến cho Công ty.
- Các đối tượng được xét chọn tham gia chương trình theo quyết định của HĐQT Công ty.
- Các trường hợp đặc biệt khác: Căn cứ vào tình hình cụ thể của Công ty và danh sách đội ngũ cán bộ kế cận thuộc diện quy hoạch, lao động quản lý thuộc đối tượng cần thu hút từ nơi khác về chưa đủ các điều kiện về thời gian làm việc tại Công ty, các cán bộ làm công tác kinh doanh, công tác nghiên cứu, công tác chuyển giao công nghệ, v.v... chưa đủ điều kiện là thành viên đương nhiên của chương trình, Ban điều hành ESOP sẽ xem xét và phê duyệt đối với từng trường hợp cụ thể.

b. Quyền lợi khi tham gia chương trình:

Các thành viên tham gia chương trình ESOP sẽ được các quyền lợi sau:

- Được quyền mua cổ phiếu chào bán tương ứng với thành tích đạt được.
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định trong Quy chế này.

- Trường hợp thành viên ESOP vi phạm các quy định, quy chế của Công ty sẽ lập tức bị thu hồi lại quyền mua cổ phiếu chào bán của chương trình ESOP.

c. Phân phối cổ phiếu ESOP:

- Ban điều hành ESOP công khai danh sách xét chọn các thành viên tham gia chương trình ESOP.

Cách tính cổ phiếu được quyền mua của mỗi thành viên ESOP như sau:

- Số cổ phiếu được quyền mua được tính dựa trên tiêu chí đó là hệ số năm công tác đến ngày 30/09/2020 và hệ số chức vụ.

$$CP = \frac{N \times H \times PH}{\sum N \times H}$$

Trong đó:

- CP: Số số phiếu được quyền mua và được làm tròn đến hàng trăm.
- H: hệ số chức vụ
- N: hệ số năm công tác tính đến 30/09/2020 (đơn vị tính: năm)
- Thời gian bắt đầu vào Công ty sẽ tính từ thời điểm Công ty cổ phần hóa 29/05/2010, người lao động vào Công ty trước thời điểm này sẽ được tính bắt đầu từ ngày 29/05/2010.
- PH: số cổ phiếu dự kiến phát hành theo chương trình ESOP (CP = 604.998)
- $\sum N \times H$: tổng của tích số giữa hệ số năm công tác N và hệ số chức vụ H
- N: hệ số năm công tác được xác định như sau:

STT	Số năm công tác	Hệ số N
1	Dưới 1 năm	0
2	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1
3	Từ 2 năm trở lên	1,3

- H: hệ số chức vụ được xác định theo bảng sau:

STT	Chức vụ	Hệ số H
1	Chủ tịch HĐQT	17
2	Ủy viên HĐQT	13
3	Giám đốc	13
4	Phó Giám đốc	12
5	Trưởng phòng/Trợ lý giám đốc	11
6	Phó phòng	10
7	Giám đốc BĐH/Chủ nhiệm dự án	7
8	Phó giám đốc BĐH/Phó chủ nhiệm dự án	6
9	Chỉ huy trưởng	5

STT	Chức vụ	Hệ số H
10	Chỉ huy phó	4
11	Trợ lý GD BĐH/Trưởng ban/Tổ trưởng	3
12	Người lao động còn lại	1

- Trường hợp người lao động kiêm nhiệm nhiều chức vụ thì hệ số chức vụ sẽ được lấy theo chức vụ cao nhất.
- Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quy định các hệ số để phân phối quyền mua cổ phiếu cho người lao động.

Xử lý cổ phiếu còn dư

- Số cổ phiếu còn dư theo nguyên tắc làm tròn và/hoặc cán bộ nhân viên không mua hết hoặc từ chối mua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các cán bộ nhân viên khác với điều kiện phù hợp và giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/cổ phiếu). Trong trường hợp phân phối tiếp cho các cán bộ nhân viên khác mà vẫn còn dư thì Hội đồng quản trị sẽ quyết định hủy toàn bộ số lượng cổ phiếu còn dư đó.

d. Các trường hợp bị thu hồi quyền mua cổ phiếu

Thành viên ESOP sẽ bị bãi nhiệm tư cách thành viên và bị thu hồi toàn bộ quyền mua cổ phiếu nếu:

- Cán bộ, nhân viên chuyển công tác ra ngoài hệ thống SCIGROUP;
- Cán bộ, nhân viên vi phạm kỷ luật Công ty;
- Riêng trường hợp cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí đúng tuổi thì không bị thu hồi;
- Trường hợp cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trước tuổi, qua đời, Ban điều hành ESOP sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định cho thành viên đó hoặc người thừa kế theo luật định hưởng các quyền lợi của cổ phiếu trong chương trình ESOP.

e. Ban điều hành ESOP:

Ban điều hành ESOP do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm, có trách nhiệm lựa chọn đối tượng tham gia, phân phối, theo dõi và điều hành toàn bộ hoạt động của chương trình ESOP cho đến khi kết thúc chương trình.

f. Thời gian của Chương trình ESOP:

Chương trình sẽ thực hiện từ quý IV năm 2020 cho đến khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần SCI E&C.

g. Nguồn cổ phiếu cho chương trình ESOP:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán theo chương trình ESOP: 604.998 cổ phiếu.
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 6.049.980.000 đồng

- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 6.049.980.000 đồng.
- Hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Cán bộ nhân viên tham gia chương trình ESOP không được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác.

h. Triển khai thực hiện:

- **Bước 01:** Ban điều hành ESOP căn cứ Quy chế ESOP để lựa chọn cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia ESOP.
- **Bước 02:** Tuyên truyền chính sách ESOP đến tất cả các cán bộ nhân viên trong Công ty.
- **Bước 03:** Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty.
- **Bước 04:** Đánh giá lại kết quả thực hiện của từng cá nhân người lao động tham gia chương trình cũng như hiệu quả của chương trình ESOP mang lại để trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời nhằm mang lại hiệu quả tối ưu của chương trình.

11. Chính sách cổ tức

11.1 Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách cổ tức của Công ty như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã xin ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- Trừ khi ĐHĐCĐ có quy định khác, việc chia cổ tức được thực hiện chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ quyết định mức chia cổ tức. HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã được đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp

mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

11.2 Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất (2018 – 2019) và dự kiến năm 2020

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ cổ tức	10%	5%	8 – 10%
Hình thức thanh toán	Cổ phiếu	Cổ phiếu	-

(*) Mức chi trả cổ tức năm 2018 đã thực hiện. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 và kế hoạch trả cổ tức năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2020/NQ – SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Theo Biên bản và Nghị quyết số 01/2019/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019, trong năm 2019, Công ty đã chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Công ty. Cụ thể:

Vốn điều lệ trước thay đổi	109.999.950.000	Đồng
Vốn điều lệ bổ sung	10.999.730.000	Đồng
Vốn điều lệ sau thay đổi	120.999.680.000	Đồng

- + Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/07/2020: 120.999.680.000 đồng.
- + Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty.

- Trích khấu hao tài sản cố định:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc: 15 – 40 năm
- + Máy móc, thiết bị: 03 – 10 năm
- + Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 04 – 10 năm
- + Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 – 08 năm
- + Tài sản cố định khác: 03 – 05 năm

- Mức lương bình quân

Bảng 13: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	11.600.000	12.100.000

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

– Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2020, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

– Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế phải nộp trong năm 2018, 2019 và báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2020 như sau:

Bảng 14: Các khoản phải nộp Công ty mẹ

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.884.942.916	1.969.034.085	24.243.382.739
2	Thuế thu nhập cá nhân	288.825.620	301.359.194	254.475.809
3	Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507	5.190.507
4	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	39.604.543	39.604.543	39.604.543
Tổng cộng		4.218.563.586	2.315.188.329	24.542.653.598

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Bảng 15: Các khoản phải nộp Công ty hợp nhất

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.857.003.840
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.884.942.916	2.039.663.493	24.567.060.338
3	Thuế thu nhập cá nhân	288.825.620	329.624.243	262.914.501
4	Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507	5.190.507
5	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	39.604.543	39.604.543	39.604.543
Tổng cộng		4.218.563.586	2.414.082.786	28.731.773.729

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

Công ty cam kết sẽ tuân thủ nộp toàn bộ các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật.

– Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 16: Số dư các quỹ Công ty mẹ

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.608.293.241	2.410.923.173	4.093.125.177
2	Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541	9.560.557.541
Tổng cộng		11.168.850.782	11.971.480.714	3.653.682.718

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Bảng 17: Số dư các quỹ Công ty hợp nhất

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.608.293.241	2.410.923.173	4.093.125.177
2	Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541	9.560.557.541
Tổng cộng		11.168.850.782	11.971.480.714	13.653.682.718

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

- **Tổng dư nợ vay:** Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 18: Tổng dư nợ vay Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	249.001.383.916	347.298.269.554	464.908.603.822
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	41.807.842.399	67.532.567.054	91.900.041.563
Tổng cộng		290.809.226.315	414.830.836.608	556.808.645.385

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Bảng 19: Tổng dư nợ vay Công ty hợp nhất

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	249.001.383.916	349.113.269.554	464.908.603.822
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	41.807.842.399	67.532.567.054	91.900.041.563
Tổng cộng		290.809.226.315	416.645.836.608	556.808.645.385

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ.

- **Tình hình công nợ hiện nay**

+ **Các khoản phải thu**

Bảng 20: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	370.027	450.904	1.227.438
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	292.237	383.807	747.319
Trả trước cho người bán ngắn hạn	67.874	54.736	483.294
Phải thu ngắn hạn khác	17.407	22.754	30.719
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.491)	(10.393)	(33.894)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
2. Phải thu dài hạn	147	2.328	2.844
Phải thu dài hạn khác	147	2.328	2.844
Tổng cộng	370.174	453.232	1.230.282

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	370.028	385.173	1.132.585
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	292.237	335.339	648.257
Trả trước cho người bán ngắn hạn	67.874	45.280	485.763
Phải thu ngắn hạn khác	17.408	14.947	32.459
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.491)	(10.393)	(33.894)
2. Phải thu dài hạn	147	2.328	2.844
Phải thu dài hạn khác	147	2.328	2.844
Tổng cộng	370.175	387.501	1.135.429

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

Trong quý 2/2020, Công ty phát sinh một khoản phải nợ xấu trị giá 51,97 tỷ từ Công ty cổ phần SCI trong đó số tiền có thể thu hồi là 36,38 tỷ đồng. Đáng chú ý, Công ty cổ phần SCI là Công ty mẹ của Công ty cổ phần SCI E&C.

Nguyên nhân dẫn đến khoản nợ xấu này là do: Công ty Cổ phần SCI có thực hiện ký hợp đồng thi công xây dựng dự án Thủy điện NamTheun 1 tại tỉnh Bolikhamxay Province, Lào với Liên danh CMC/ITD/Sông Đà (đứng vai trò là Tổng thầu của dự án Thủy điện NamTheun 1). Sau đó, Công ty cổ phần SCI đã ký kết với Công ty cổ phần SCI E&C hợp đồng thi công để triển khai các phần việc tại dự án này.

Tuy nhiên, vào cuối năm 2019 thì Liên danh CMC/ITD/Sông Đà bị Chủ đầu tư dự án Thủy điện NamTheun 1 thanh lý hợp đồng do không đảm bảo tiến độ của dự án. Dẫn đến, Công ty cổ phần SCI phát sinh một số khoản công nợ quá hạn liên quan đến dự án này, mà chủ thể trực tiếp phải chịu rủi ro nợ xấu là Công ty Cổ phần SCI E&C. Nhưng do, Công ty Cổ phần SCI chưa thực hiện được việc ký biên bản bù trừ công nợ ba bên giữa: Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần SCI E&C và Liên danh CMC/ITD/Sông Đà. Nên trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần SCI E&C đang thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi trên mã khách hàng là Công ty Cổ phần SCI (nhưng bản chất là khoản nợ khó đòi phải thu Liên danh CMC/ITD/Sông Đà). Hiện nay, Công ty cổ phần SCI và Công ty cổ phần SCI E&C vẫn đốc thúc làm việc với EPC và chủ đầu tư tại dự án thủy điện Nậm Thuen 1 để yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

+ Các khoản phải trả

Bảng 22: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Nợ ngắn hạn	743.118	781.649	1.961.929
Phải trả người bán ngắn hạn	183.651	118.923	214.209
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	248.078	209.521	1.106.333

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.219	2.315	24.543
Phải trả người lao động	24.968	14.441	20.077
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.024	5.248	18.064
Phải trả ngắn hạn khác	26.568	81.490	103.627
Vay và thuê tài chính ngắn hạn	249.001	347.298	464.909
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	6.074
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.608	2.410	4.093
Nợ dài hạn	41.807	69.451	130.348
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	569	476
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	41.807	67.532	91.900
Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.350	37.972
Tổng cộng	784.925	851.100	2.092.277

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý III/2020

Bảng 23: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Nợ ngắn hạn	743.118	753.285	1.895.093
Phải trả người bán ngắn hạn	183.651	81.319	139.119
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	248.078	209.521	1.106.333
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.219	2.414	28.732
Phải trả người lao động	24.968	17.279	20.589
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.024	9.804	18.064
Phải trả ngắn hạn khác	26.568	81.423	107.180
Vay và thuê tài chính ngắn hạn	249.001	349.113	464.909
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	6.074
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.608	2.411	4.093
Nợ dài hạn	41.807	69.451	130.348
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	569	476
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	41.807	67.532	91.900
Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.350	37.972
Tổng cộng	784.925	822.736	2.025.441

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý III/2020

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,02	1,10
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,61	0,83

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	83,32	81,11
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	499,60	429,50
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3,46	4,86
(Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)			
+ Vòng quay tổng tài sản:	Vòng	1,20	1,37
(Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)			
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,07	3,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,36	21,22
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,23	4,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,53	4,00
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	1,908	3,476

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,11
(Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,61	0,78
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	83,32	80,60
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	499,60	415,39
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3,46	4,38
(Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)			
+ Vòng quay tổng tài sản:	Vòng	1,20	1,34
(Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)			
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,07	3,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,36	21,18
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,23	4,11
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,53	4,12
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	2.099	3,468

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty

- Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty giảm trong giai đoạn 2018 – 2019. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018, năm 2019 lần lượt là 1,02 lần và 1,11 lần. Hệ số thanh toán nhanh năm 2018, 2019 lần lượt là 0,61 lần và 0,78 lần cho thấy hệ số thanh toán của công ty có những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều nằm trong ngưỡng an toàn.

- Cơ cấu vốn

Năm 2018 và năm 2019, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 80% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

- Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2019 tăng so với năm 2018, do hàng tồn kho giảm. Bên cạnh đó, tốc độ tăng của doanh thu lớn hơn so với tốc độ tăng của tổng tài sản.

- Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2019 nhìn chung đều tăng mạnh so với năm 2018. Điều này cho thấy hiệu quả kinh doanh của SCI E&C đã được cải thiện đáng kể. Các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2019 đều ở mức hấp dẫn. ROE tăng từ mức 13,36% năm 2018 lên hơn 21% năm 2019 (tương ứng với mức tăng hơn 50%)

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Bảng 26: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Phúc	1966	Chủ tịch	Kỹ sư kinh tế máy
2	Nguyễn Chính Đại	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
3	Nguyễn Công Hùng	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
4	Phan Thanh Hải	1984	Thành viên	Cử nhân kinh tế
5	Nguyễn Tài Sơn	1958	Thành viên	Kỹ sư thủy công – thủy điện

13.1.1. Ông: Nguyễn Văn Phúc – Chủ tịch HĐQT

+Giới tính	Nam
+Ngày sinh	01/01/1966
+Nơi sinh	Xuân Mai – Chương Mỹ - Hà Tây
+Quốc tịch	Việt Nam

+Dân tộc		Kinh	
+Quốc quản		Xuân Mai - Chuông Mỹ - Hà Tây	
+Địa chỉ thường trú		2518 nhà R4, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	
+CNMD số 001066004712		Ngày cấp: 19/12/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát BKQL cu trú và DLQG về dân cư	
+Trình độ chuyên môn		Kỹ sư kinh tế máy	
Quá trình công tác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)		Đơn vị công tác	
1990 - 1993		Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà	
1993 - 1994		Phòng kinh tế kế hoạch Tổng Đài điện Tổng công ty Sông Đà Yaly	
1994 - 2001		Công ty Sông Đà 3 Trung phòng kinh tế kế hoạch	
2002 - 2005		Công ty cổ phần Sông Đà 9 Trung phòng kinh tế kế hoạch	
2006 - 08/2007		Công ty cổ phần Sông Đà 9 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng kinh tế kế hoạch	
08/2007 - 06/2016		Công ty cổ phần Sông Đà 9 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc	
06/2016 - 02/2019		Công ty cổ phần SCI Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc	
2019 - Đến nay		Công ty cổ phần SCI E&C Thành viên Hội đồng quản trị	
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.	
+Số cổ phần nắm giữ		2.486.342 cổ phần	
✓ Sở hữu cá nhân: 5.830 cổ phần ✓ Đại diện Công ty Cổ phần SCI sở hữu cổ phần tại Công ty: 2.480.512 cổ phần			

+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.1.2. Ông: Nguyễn Chính Đại – Thành viên HĐQT

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	21/04/1978	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số: 013025232	Ngày cấp: 28/11/2008	Nơi cấp: CA TP Hà Nội
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2003	Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC	Kỹ sư giám sát
2003 - 2004	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Trưởng phòng Kỹ thuật
2004 - 2007	Công ty cổ phần Sông đà 909	Phó giám đốc Xí nghiệp 1
2007 - 2009	Công ty cổ phần Sông đà 909	Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ
2010 - 2016	Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc
2016 - 2017	Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9	Giám đốc

2017 - 2018	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc
2018 – 09/2019	Công ty CP SCI E&C	Phó chủ tịch, Chủ tịch HĐQT
10/2019 đến nay	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C kiêm Giám đốc Công ty	
+Số cổ phần nắm giữ	2.446.614 cổ phần	
	✓ Sở hữu cá nhân: 26.620 cổ phần ✓ Đại diện Công ty Cổ phần SCI sở hữu cổ phần tại Công ty: 2.419.994 cổ phần	
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.1.3. Ông: Nguyễn Công Hùng – Thành viên HĐQT

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	21/08/1978	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số 017389016	Ngày cấp: 19/05/2012	Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2005	Công ty cổ phần Sông Đà 909	Trưởng phòng Kỹ thuật

2005 - 2009	Công ty cổ phần Sông Đà 909	Phó Tổng giám đốc
2009 – 05/2010	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1	Phó Tổng giám đốc
05/2010 – 17/04/2014	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Giám đốc
18/04/2014 – 15/01/2015	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
16/01/2015 – 06/12/2018	Công ty CP SCI E&C	Chủ tịch Hội đồng quản trị
06/12/2018 đến nay	Công ty CP SCI E&C	Thành viên Hội đồng quản trị
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Công ty CP SCI E&C	
+Số cổ phần nắm giữ	01 cổ phần	
	✓ Sở hữu cá nhân: 01 cổ phần ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần	
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SCI E&C	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác		
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.1.4. Ông: Phan Thanh Hải – Thành viên HĐQT

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	07/01/1984	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số 040084000004	Ngày cấp: 30/10/2012	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư

		trú và DLQG về dân cư
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2007 – 12/2008	Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT	Kỹ sư
01/2009 – 08/2010	Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT	Kỹ sư
09/2010 – 06/2011	Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9	Nhân viên P.TCKT
07/2011 – 07/2012	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Phó phòng TCHC
08/2012 – 04/2014	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Đội phó Đội XL số 1
05/2014 – 06/2015	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	TV BKS - Trợ lý giám đốc
07/2015 – 08/2016	Công ty CP SCI E&C	Phó phòng TCKT
08/2016 – 11/2017	Công ty CP SCI E&C	Trưởng phòng TCKT
11/2017 – 04/2018	Công ty CP SCI E&C	Phó Giám đốc
05/2018 - 2019	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc
2020 đến nay	Công ty CP SCI E&C	Thành viên HĐQT
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C	
+Số cổ phần nắm giữ	2.420.618 cổ phần	
	✓ Sở hữu cá nhân: 624 cổ phần ✓ Đại diện Công ty Cổ phần SCI sở hữu cổ phần tại Công ty: 2.419.994 cổ phần	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích	Không	

Công ty	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.1.5. Ông: Nguyễn Tài Sơn – Thành viên HĐQT

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	13/11/1958	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số 010388352	Ngày cấp: 07/04/2006	Nơi cấp: Hà Nội
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy công – thủy điện	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 - 1985	Công ty Khảo sát Thiết kế Điện	Kỹ sư
1985 - 1987	Viện kỹ thuật cơ giới Quân sự	Trợ lý kỹ thuật
1988 - 2012	Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1	Trưởng đoàn thiết kế
2012 - 2017	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Tổng Giám đốc
2018 - 2019	Nghỉ hưu	
04/2019 đến nay	Công ty Cổ phần SCI E&C	Thành viên HĐQT
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị	
+Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần	
	✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	
	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần	
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích	Không	

Công ty	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.2. Ban Giám đốc

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
1	Nguyễn Chính Đại	1978	Giám đốc	Kỹ sư
2	Phan Thanh Hải	1984	Phó Giám đốc	Cử nhân
3	Nguyễn Cao Hải	1979	Phó Giám đốc	Kỹ sư
4	Nguyễn Công Hòa	1980	Phó Giám đốc	Kỹ sư

13.2.1. Ông: Nguyễn Chính Đại – Giám đốc (như trên)

13.2.2. Ông: Phan Thanh Hải – Phó Giám đốc (như trên)

13.2.3. Ông: Nguyễn Cao Hải – Phó Giám đốc

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	20/08/1979	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số 151267376	Ngày cấp: 04/02/2009	Nơi cấp: CA Thái Bình
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng đường bộ	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2002 – 08/2004	Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	Chuyên viên phòng Kỹ thuật
09/2004 – 05/2009	Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	Đội trưởng thi công
05/2009 – 09/2009	Công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng	Phó Giám đốc
09/2009 – 05/2010	Công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng	Giám đốc

06/2010 – 01/2012	Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9	Đội trưởng thi công
03/2012 – 11/2013	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Phó phòng kỹ thuật
11/2013 – 08/2015	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Phó giám đốc ban điều hành MD2
09/2015 – 05/2016	Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9	Đội trưởng thi công
05/2016 đến nay	Công ty CP SCI E&C	Phó Giám đốc
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Giám đốc	
+Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %
	✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.2.4. Ông: Nguyễn Công Hoà – Phó Giám đốc

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	26/12/1980	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số 197091006	Ngày cấp: 03/09/2011	Nơi cấp: CA Quảng Trị
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ

08/2003 – 11/2004	Công ty TNHH Anh Sơn	Chuyên viên
11/2004 – 07/2006	Công ty Đầu tư và Phát triển Đô thị Kinh Bắc	Chuyên viên
09/2010 – 10/2011	Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Chuyên viên phòng KTCL – TCAT
10/2011 – 09/2012	Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9	Đội phó Đội xây lắp số 2
09/2012 – 11/2017	Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9	Phó phòng Kinh tế
12/2017 – 07/2019	Công ty Cổ phần SCI E&C	Trưởng phòng Cung ứng
07/2019 đến nay	Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó giám đốc
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Giám đốc	
+Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.3. Ban kiểm toán nội bộ

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
1	Nguyễn Văn Hùng	1986	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Kỹ sư
2	Nguyễn Đức Duy	1992	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	Cử nhân
3	Đỗ Luyện Phương	1984	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	Kỹ sư

13.3.1. Ông Nguyễn Văn Hùng – Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	21/08/1986	
+Nơi sinh	Tân Phú, Quốc Oai, Hà Nội	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+Quê quán	Tân Phú, Quốc Oai, Hà Nội	
+Địa chỉ thường trú	Yên Quán, Tân Phú, Quốc Oai, Hà Nội	
+CMND số 001086022668	Ngày cấp: 01/03/2018	Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2009 – 8/2013	Công ty Cổ phần CienCo 5	Kỹ sư chất lượng
9/2013 – 2/2018	Công ty Cổ phần Hạ tầng Thiên Ân	Phó phòng kỹ thuật
3/2018 – Nay	Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó phòng KTHĐ kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó phòng Kinh tế Hợp đồng kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	
+Số cổ phần nắm giữ	10.205 <i>cổ phần</i> , tỷ lệ: 0,08%	
	✓ Sở hữu cá nhân:	10.205 <i>cổ phần</i> , tỷ lệ: 0,08%
	✓ Đại diện sở hữu:	0 <i>cổ phần</i> , tỷ lệ: 0 %
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích	Không	

Công ty	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.3.2. Ông Nguyễn Đức Duy – Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	14/06/1992	
+Nơi sinh	TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+Quê quán	Thanh Giang, Thanh Miện, Hải Dương	
+Địa chỉ thường trú	22 Ngõ 34 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	
+CMND số 036092002590	Ngày cấp: 19/09/2016	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2014 đến 03/2017	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	Trợ lý Kiểm toán /Kiểm toán viên
Từ 03/2017 đến 03/2019	Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP	Kế toán tổng hợp
Từ 04/2019 đến 03/2020	Công ty Cổ phần SCI E&C	Kế toán tổng hợp
Từ 04/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Kế toán trưởng
8/2020 – nay (kiêm nhiệm)	Công ty CP SCI E&C	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	
+Số cổ phần nắm giữ	<i>0 cổ phần, tỷ lệ: 0%</i>	
	✓ Sở hữu cá nhân: <i>0 cổ phần, tỷ lệ: 0%</i>	
	✓ Đại diện sở hữu: <i>0 cổ phần, tỷ lệ: 0%</i>	
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công	Không	

ty khác	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.3.3. Ông Đỗ Luyện Phương – Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	05/07/1984	
+Nơi sinh	TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+Quê quán	xã Diên Xa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	
+Địa chỉ thường trú	P1212 nhà C, lô CT3, KĐT mới Tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	
+CMND số 162664031	Ngày cấp: 23/07/2007	Nơi cấp: CA Nam Định
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy lợi	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2010	Ban QLDA NMTĐ Sơn La	Nhân viên Phòng Kỹ thuật
2010 - nay	Công ty CP SCI E&C	Nhân viên Phòng Cung ứng
8/20020 – nay (kiêm nhiệm)	Công ty CP SCI E&C	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Nhân viên Phòng Cung ứng kiêm Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	
+Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %

	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.4. Kế toán trưởng

Ông: Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng

+Giới tính	Nam	
+Ngày sinh	12/01/1987	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Dân tộc	Kinh	
+CMND số 035087000602	Ngày cấp: 31/03/2016	Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
+Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ tài chính kế toán – CPA Việt Nam	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2010 – 3/2013	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	Trưởng nhóm kiểm toán
4/2013 – 5/2014	Trường Đại học kinh tế - ĐHQG Hà Nội	Chuyên viên kế toán
6/2014 – 12/2014	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Kế toán tổng hợp
1/2015 – 6/2015	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Phó kế toán trưởng
7/2015 – 8/2017	Công ty cổ phần SCI	Kế toán trưởng

9/2017 – 4/2018	Công ty CP tập đoàn Mặt trời (Sungroup)	Chuyên viên cao cấp Ban tài chính
5/2018 – 6/2018	Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Phó phòng TCKT
7/2018 – 3/2019	Công ty CP cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Kế toán trưởng
4/2019 – 3/2020	Công ty CP tập đoàn Mặt trời (Sungroup)	Chuyên viên cao cấp Quản lý thuế
4/2020 – 5/2020	Công ty cổ phần SCI E&C	Phó phòng TCKT
6/2020 đến nay	Công ty cổ phần SCI E&C	Kế toán trưởng
+Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng	
+Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %
	✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %
+Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
+Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
+Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
+Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
+Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
+Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
+Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

14. Tài sản

Bảng 29: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại 31/12/2018

DVT: VNĐ

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	257.096.004.259	105.520.769.728	151.575.234.531
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.077.001.137	4.144.127.790
2	Máy móc, thiết bị	170.757.655.003	61.735.042.179	109.022.612.824
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	74.305.387.958	36.226.061.811	38.079.326.147
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	675.832.371	478.131.269	197.701.102

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	4.533.332	131.466.668
II	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	27.500.004	82.499.996
1	Phần mềm máy tính	110.000.000	27.500.004	82.499.996
Tổng cộng		257.206.004.259	105.548.269.732	151.657.734.527

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty

Bảng 30: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại 31/12/2018

ĐVT: VNĐ

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	257.096.004.259	105.520.769.728	151.575.234.531
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.077.001.137	4.144.127.790
2	Máy móc, thiết bị	170.757.655.003	61.735.042.179	109.022.612.824
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	74.305.387.958	36.226.061.811	38.079.326.147
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	675.832.371	478.131.269	197.701.102
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	4.599.332	131.466.668
II	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	27.500.004	82.499.996
1	Phần mềm máy tính	110.000.000	27.500.004	82.499.996
Tổng cộng		257.206.004.259	105.548.269.732	151.657.734.527

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018 của Công ty

Bảng 31: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2019

ĐVT: VNĐ

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	290.859.177.338	156.860.320.814	133.998.856.524
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.359.221.687	3.861.907.240
2	Máy móc, thiết bị	180.227.859.292	96.525.319.057	83.702.540.235
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	98.466.484.021	52.203.356.820	46.263.127.201
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	807.705.098	713.489.934	94.215.164
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	58.933.316	77.066.684
II	Tài sản cố định thuê tài chính	31.683.615.818	4.298.804.506	27.384.811.312
III	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	64.166.676	45.833.324
1	Phần mềm máy tính	110.000.000	64.166.676	45.833.324
Tổng cộng		322.652.793.156	161.223.291.996	161.429.501.160

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty

Bảng 32: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại ngày 31/12/2019

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	290.906.207.338	156.862.280.397	134.043.926.941
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.357.529.361	3.863.599.566
2	Máy móc, thiết bị	187.001.927.474	96.527.011.383	90.474.916.091
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	91.692.415.839	52.203.356.820	39.489.059.019
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	854.735.098	715.449.517	139.285.581
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	58.933.316	77.066.684
II	Tài sản cố định thuê tài chính	31.683.615.818	4.298.804.506	27.384.811.312
III	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	64.166.676	45.833.324
1	Phần mềm máy tính	110.000.000	64.166.676	45.833.324
Tổng cộng		322.699.823.156	161.225.251.579	161.474.571.577

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của Công ty

Bảng 33: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 30/09/2020

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	356.015.908.120	203.627.537.505	152.388.370.615
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.569.617.855	3.651.511.072
2	Máy móc, thiết bị	249.566.607.091	129.685.576.201	119.881.030.890
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	93.922.456.566	65.407.767.446	28.514.689.120
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.169.715.536	864.842.699	304.872.837
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	99.733.304	36.266.696
II	Tài sản cố định thuê tài chính	48.501.652.182	15.291.474.780	33.210.177.402
III	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	91.666.680	18.333.320
1	Phần mềm máy tính	110.000.000	91.666.680	18.333.320
Tổng cộng		404.627.560.302	219.010.678.965	185.616.881.337

Nguồn: BCTC riêng Quý III/2020 của Công ty

Bảng 34: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại ngày 30/09/2020

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	356.244.817.211	203.667.417.596	152.577.399.615
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.567.925.529	3.653.203.398
2	Máy móc, thiết bị	256.414.311.637	129.717.251.255	126.697.060.382
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	87.303.661.111	65.407.767.446	21.895.893.665
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.169.715.536	874.740.062	294.975.474
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	99.733.304	36.266.696

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
II	Tài sản cố định thuê tài chính	48.501.652.182	15.291.474.780	33.210.177.402
III	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	91.666.680	18.333.320
1	Phần mềm máy tính	110.000.000	91.666.680	18.333.320
Tổng cộng		404.856.469.393	219.050.559.056	185.805.910.337

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2020 của Công ty

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 35: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

DVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% tăng giảm so 2019
1	Vốn chủ sở hữu	198.062	376.122	89,90
2	Doanh thu thuần	1.316.316	1.657.489	25,92
3	Lợi nhuận sau thuế	42.055	44.960	6,91
4	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	3,19	2,71	
5	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu (%)	21,18	11,95	
6	Cổ tức (%)	5%	8-10%	

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

15.2.1. Dự kiến cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mảng hoạt động năm 2020

Bảng 36: Dự kiến cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mảng hoạt động năm 2020

DVT: Triệu VNĐ

TT	Hoạt động	Năm 2019		Dự kiến năm 2020	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
I	Hoạt động chính	1.316.316	118.860	1.657.489	127.333
1	Bán hàng hóa	38.660	4.368	9.091	4.679
2	Hợp đồng xây dựng	1.277.656	114.492	1.648.398	122.654
II	Chi phí quản lý		(-35.671)		(39.113)
III	Hoạt động tài chính	13.211	(28.956)	16.324	(32.020)
IV	Hoạt động khác	356	(1.771)		
Tổng cộng		1.329.883	52.462	3.331.302	56.200

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

15.2.2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận phân bổ cho các quý trong năm 2020 như sau:

Bảng 37: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho các quý năm 2020

ĐVT: Triệu VND

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 30/09/2020	Dự kiến Quý 4/2020
1	Tổng doanh thu	797.524	528.283
2	Lợi nhuận sau thuế	97.120	14.430

Nguồn: Công ty Cổ phần SCI E&C

15.2.3. Cơ sở để đạt được kế hoạch nêu trên

Công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 thận trọng dựa trên những hợp đồng, dự án đầu tư đã được ký kết và các hợp đồng, dự án mới trúng thầu và dự kiến trúng thầu trong năm 2019.

Tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc. Mục tiêu cụ thể như sau:

- Thi công xây dựng các công trình mà công ty đang là tổng thầu EPC nhằm đem lại kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực phục vụ cho định hướng hoạt động mới
- Tập trung vào tìm kiếm các đầu việc, hợp đồng, cơ hội kinh doanh cho Công ty và quản lý tình hình hoạt động thông qua việc giám sát, giao khoán các phần việc cụ thể.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần SCI E&C. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu Công ty cổ phần SCI E&C có mã chứng khoán là SCI đã đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm trong đợt

chào bán này, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung. Thời gian thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu dự kiến là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

3.1. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 13.309.964 cổ phiếu trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 12.099.968 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2019: 604.998 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP): 604.998 cổ phiếu

3.2. Đối tượng chào bán:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 12.099.968 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 604.998 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: 604.998 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP): 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

Giá chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty là 10.000 đồng/cổ phiếu, được xác định dựa trên nguyên tắc chiết khấu giảm 39% so giá trị sổ sách là 16.369 đồng/cổ phiếu (Căn cứ BCTC Hợp nhất đã kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2019).

6. Phương thức phân phối

6.1. Phương thức phân phối

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu 12.099.968 cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1, cụ thể như sau:
 - + Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, 1 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu mới chào bán thêm.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 577 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(577:1) \times 1 = 577$ cổ phiếu

- + Quyền mua được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).
- + Trường hợp cổ đông đã lưu ký, Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán - thành viên lưu ký của VSD.
- + Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- + Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.
- Đối tượng được trả cổ tức bằng cổ phiếu: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- + Tỷ lệ thực hiện quyền: 20:1 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 5%) (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 20 quyền nhận sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ).

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông A hiện đang sở hữu 577 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ nhận được số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(577 : 20) \times 1 = 28,85$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 28 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,85 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.

- + Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
- Đối tượng chào bán: Cán bộ công nhân viên đủ tiêu chuẩn do Ban điều hành ESOP quyết định.
- + ĐHCĐ thống nhất thông qua và uỷ quyền cho HĐQT thành lập Ban điều hành ESOP, xây dựng quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP và kế hoạch chào bán cụ thể, quy định rõ các tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia, thời gian thực hiện cũng như các điều kiện ràng buộc về thời gian hạn chế chuyển nhượng, các quyền và nghĩa vụ có liên quan (nếu có) đến cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP, quyết định đối tượng được tham gia chương trình, quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến ESOP và điều chỉnh những thay đổi của Chương trình (nếu có) cho phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Cán bộ công nhân viên tham gia chương trình ESOP không được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác.

6.2. Bảo lãnh phát hành cổ phiếu

- a. Bên bảo lãnh phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán VIX
- b. Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán trong đợt phát hành: 12.099.968 cổ phiếu.
- c. Tổng số cổ phiếu cam kết bảo lãnh: 12.099.968 cổ phiếu. (mười hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tám cổ phiếu).

- d. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu).
- e. Giá bảo lãnh phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu).
- f. Tổng giá trị bảo lãnh phát hành: 120.999.680.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).
- g. Phương thức bảo lãnh: Bảo lãnh theo phương thức cam kết chắc chắn: Bên bảo lãnh cam kết mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại không được phân phối hết với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- h. Trách nhiệm của Các Bên: trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Công ty cổ phần SCI E&C có Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc xử lý số cổ phiếu còn lại không được phân phối hết và có Thông báo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh gửi cho Bên bảo lãnh, đồng thời trong thời gian phân phối của Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Bên bảo lãnh sẽ thanh toán toàn bộ giá trị số cổ phiếu được bảo lãnh theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng phong tỏa đặt mua cổ phiếu do Công ty cổ phần SCI E&C đã đăng ký với UBCKNN.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán.

Bảng 38: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+50
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến

STT	Nội dung công việc	Thời gian
		D+61
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+62
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	D+64
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+64

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần SCI E&C, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

+ Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần SCI E&C

+ Số tài khoản: 45010004939577

+ Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây

❖ Xử lý cổ phiếu còn dư của đợt chào bán (nếu có):

- Toàn bộ số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với các điều kiện như sau:
 - + Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - + Đáp ứng được tiêu chí lựa chọn: Là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực về tài chính hoặc có khả năng và nguồn lực mà HĐQT Công ty xét thấy có thể đóng góp vào hoạt động kinh doanh để mang lại lợi ích cho Công ty trong tương lai.
 - + Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu theo quy định về chào mua công khai được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
 - + Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty.
 - + Không được chào bán cho các đối tượng là công ty con của Công ty cổ phần SCI.
 - + Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng
 - + Số lượng cổ phiếu không đặt mua hết bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng

01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Điều kiện và hạn chế chuyển nhượng này không áp dụng đối với cổ phiếu được bảo lãnh phát hành.

- Công ty cam kết xử lý cổ phiếu không chào bán hết đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 Về việc quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
- Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty yêu cầu Bên bảo lãnh phát hành thực hiện mua toàn bộ số cổ phiếu không được phân phối hết với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ số lượng cổ phiếu do Bên bảo lãnh phát hành mua theo nghĩa vụ Bảo lãnh phát hành sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Sau khi hoàn thành việc báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN, Công ty sẽ thực hiện việc ghi nhận sở hữu cổ phần, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định: trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Hiện nay, theo danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh, Công ty có một số ngành nghề bị giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài như:

- Ngành nghề kinh doanh số: 810 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và 2392 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty cổ phần SCI E&C thuộc danh mục những ngành, phân ngành không được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh số 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan) của Công ty cổ phần SCI E&C thuộc danh mục hàng hoá quy định tại Phụ lục số 03 (Dầu thô và dầu đã qua chế biến bao gồm: Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô;

Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum...) - Danh mục hàng hoá không được thực hiện quyền phân phối đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính .

Mặc dù vậy, hiện tại Công ty cổ phần SCI E&C không có bất kỳ sản phẩm, dịch vụ hay hoạt động kinh doanh nào liên quan tới các ngành nghề kinh doanh số: 810 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; 2392 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).

Bên cạnh đó, theo danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 28/05/2020, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần SCI E&C là 42 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00035% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Để đáp ứng các quy định hiện hành về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SCI, Công ty cổ phần SCI E&C cam kết Điều chỉnh danh mục ngành nghề kinh doanh và loại bỏ ngành nghề số: 810 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; 2392 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; và ngành nghề kinh doanh số 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trong đợt phát hành này, Công ty không phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài nên tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không tăng so với tỷ lệ hiện tại. Sau khi thực hiện loại bỏ những ngành nghề bị giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở mức 0% tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất thì tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần SCI E&C sẽ được giới hạn ở mức không vượt quá 49%.

11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng

- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu không đặt mua hết bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Toàn bộ số lượng cổ phiếu do Tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo nghĩa vụ bảo lãnh phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty cổ phần SCI E&C sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần SCI E&C
- Số tài khoản: 45010004939577
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây

14. Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019

- Lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty cổ phần SCI E&C tại ngày 31/12/2019. Theo đó, số tiền cần để trả cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến là 6.049.980.000 đồng, trong khi đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 67.599.161.952 đồng. Như vậy, Công ty có đủ nguồn vốn để thực hiện việc trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%.

15. Thông tin liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

Đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động gần nhất:

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho CBCNV: 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu
- Thời gian thực hiện: 2015

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

- Tăng vốn điều lệ, tạo vị thế cạnh tranh với các công ty khác cùng lĩnh vực hoạt động. Các công ty cùng lĩnh vực xây dựng hiện nay đều có quy mô vốn khá lớn, do vậy, Công ty phải thực hiện tăng vốn để đảm bảo nguồn lực cho sự cạnh tranh, phát triển. Mức vốn điều lệ cao sẽ mang lại một lợi thế cho Công ty bởi quy mô và hình ảnh của Công ty đối với các Chủ đầu tư, khách hàng và năng lực tài chính đủ mạnh để đầu tư lớn nhằm nắm bắt xu hướng phát triển trong tương lai;
- Đáp ứng một phần nguồn vốn đầu tư xe máy thiết bị và bổ sung thêm nguồn vốn lưu động cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC: việc tăng vốn sẽ giúp Công ty có đủ tiềm lực tài chính mở rộng, đầu tư máy móc, thiết bị có tính chiến lược ổn định lâu dài;
- Đảm bảo tỷ lệ vốn an toàn hơn: Vốn chủ sở hữu Công ty đến ngày 31/12/2019 là 198.062.045.281 đồng, bằng 19,40% tổng tài sản hiện có của Công ty. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty ở mức 4,15 lần. Như vậy, việc tăng vốn điều lệ sẽ làm tăng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, giảm hệ số nợ/vốn chủ sở hữu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay, tự chủ về tài chính và đảm bảo một cấu trúc tài chính lành mạnh, giảm thiểu rủi ro về tài chính.

2. Mục đích phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019
- 3. **Mục đích phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty**
 - Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên trong Công ty.
 - Giữ chân và thu hút lãnh đạo cao cấp.
 - Gắn kết hiệu quả lao động của cán bộ nhân viên với lợi ích chung và sự phát triển của toàn Công ty.
 - Tạo động lực thúc đẩy tăng hiệu quả làm việc của người lao động.
 - Đáp ứng một phần nguồn vốn đầu tư xe máy thiết bị và bổ sung thêm nguồn vốn lưu động cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:**
127.049.660.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
2. **Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:**
 - Tạo vị thế cạnh tranh đối với các công ty khác cùng lĩnh vực hoạt động: các công ty cùng lĩnh vực xây dựng hiện nay đều có quy mô vốn khá lớn, do vậy Công ty phải thực hiện tăng vốn để đảm bảo nguồn lực cho sự cạnh tranh, phát triển. Mức vốn điều lệ cao sẽ mang lại một lợi thế cho Công ty bởi quy mô và hình ảnh của Công ty đối với các Chủ đầu tư, khách hàng và năng lực tài chính đủ mạnh để đầu tư lớn nhằm nắm bắt xu hướng phát triển trong tương lai;
 - Đáp ứng một phần nguồn vốn đầu tư xe máy thiết bị và bổ sung thêm nguồn vốn lưu động cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC: việc tăng vốn sẽ giúp Công ty có đủ tiềm lực tài chính mở rộng, đầu tư các máy móc thiết bị có tính chiến lược ổn định lâu dài;
 - Đảm bảo tỷ lệ vốn an toàn hơn: vốn chủ sở hữu Công ty đến ngày 31/12/2019 là 198.062.045.281 đồng bằng 19,40% tổng tài sản hiện có của Công ty. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của công ty cao ở mức 4,3 lần. Như vậy việc tăng vốn điều lệ sẽ làm tăng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, giảm hệ số nợ/vốn chủ sở hữu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay, tự chủ về tài chính và đảm bảo một cấu trúc tài chính lành mạnh giảm thiểu sự rủi ro về tài chính;
 - Phương án chi tiết sử dụng vốn (bao gồm chi tiết kế hoạch đầu tư xe máy thiết bị và sử dụng vốn lưu động phục vụ các công trình) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định;
 - Trong trường hợp xuất hiện các cơ hội đầu tư khác có tính khả thi hơn, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được chủ động điều chỉnh/thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và báo cáo ĐHĐCĐ trong kỳ Đại hội gần nhất sau khi thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có).
 - Chi tiết kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

Thực hiện đầu tư xe máy thiết bị và bổ sung thêm nguồn vốn lưu động cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC.

Phương án sử dụng vốn		
TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư xe máy, thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết	34.102.200.000
2	Bổ sung nguồn vốn cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC	92.947.460.000
	Tổng cộng	127.049.660.000

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

a. Danh mục dự kiến xe máy thiết bị đầu tư:

Đơn vị tính: Nghìn Đồng

TT	Tên xe máy thiết bị	Đơn giá (*)	Số lượng	Thành tiền	Vốn huy động từ nguồn phát hành cổ phiếu (30%)	Vay ngân hàng/thuê tài chính (70%)
1	Ô tô tự đổ 40 tấn	19.800.000	3	59.400.000	17.820.000	41.580.000
2	Máy ủi D5R (Lắp cảm biến)	5.390.000	1	5.390.000	1.617.000	3.773.000
3	Lu rung bánh tròn 3T	1.331.000	1	1.331.000	399.300	931.700
4	Máy nén khí 18-24m3	550.000	3	1.650.000	495.000	1.155.000
5	Máy nén khí 18-24m3	550.000	1	550.000	165.000	385.000
6	Máy đánh xôm bê tông	319.000	2	638.000	191.400	446.600
7	Cần trục tháp	1.870.000	4	7.480.000	2.244.000	5.236.000
8	Xe hút chân không vệ sinh bề mặt	1.100.000	1	1.100.000	330.000	770.000
9	Máy phát điện diesel 250KVA	550.000	2	1.100.000	330.000	770.000
10	Xe tải tự đổ 2,5T	330.000	2	660.000	198.000	462.000
11	Máy khoan robot JUMBO	13.200.000	1	13.200.000	3.960.000	9.240.000
12	Máy phun vẩy	5.500.000	1	5.500.000	1.650.000	3.850.000
13	Xúc lật nghiêng 3,5m3	1.430.000	1	1.430.000	429.000	1.001.000
14	Xúc lật nghiêng 3,5m3	1.430.000	1	1.430.000	429.000	1.001.000
15	Máy xúc xích 130	2.475.000	1	2.475.000	742.500	1.732.500
16	Máy nén khí 18-24m3	550.000	3	1.650.000	495.000	1.155.000
17	Xúc lật 2,7m3	1.430.000	2	2.860.000	858.000	2.002.000
18	Trạm trộn bê tông CVC 90m3/h	3.850.000	1	3.850.000	1.155.000	2.695.000
19	Máy bơm bê tông tĩnh	1.980.000	1	1.980.000	594.000	1.386.000
20	Tổng cộng			113.674.000	34.102.200	79.571.800

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

(*) Đơn giá các loại máy móc thiết bị được xây dựng dựa trên báo giá các loại máy móc thiết bị cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn Đồng

TT	Tên xe máy thiết bị	Đơn giá	Nhà cung cấp dự kiến
1	Ô tô tự đồ 40 tấn	19.800.000	Công ty TNHH Công Nghiệp Phú Thái
2	Máy ủi D5R (Lắp cảm biến)	5.390.000	Công ty TNHH Công Nghiệp Phú Thái
3	Lu rung bánh trơn 3T	1.331.000	Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco
4	Máy nén khí 18-24m3	550.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại điện máy Lucky
5	Máy nén khí 18-24m3	550.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại điện máy Lucky
6	Máy đánh xôm bê tông	319.000	Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Chính Đạt
7	Cần trục tháp	1.870.000	Công ty TNHH Xây dựng Duy Khánh
8	Xe hút chân không vệ sinh bề mặt	1.100.000	Công ty Cổ phần Tập đoàn 911
9	Máy phát điện diesel 250KVA	550.000	Công ty Thiên Hòa An
10	Xe tải tự đồ 2,5T	330.000	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8
11	Máy khoan robot JUMBO	13.200.000	Công ty Cổ phần Thiết bị & Dịch vụ Đồng Lợi
12	Máy phun vẩy	5.500.000	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp & Xây dựng Việt Tiến
13	Xúc lật nghiêng 3,5m3	1.430.000	Công ty TNHH Máy xây dựng Hải Âu
14	Xúc lật nghiêng 3,5m3	1.430.000	Công ty TNHH Máy xây dựng Hải Âu
15	Máy xúc xích 130	2.475.000	Công ty TNHH Thiết bị Đầu tư Bình Minh
16	Máy nén khí 18-24m3	550.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại điện máy Lucky
17	Xúc lật 2,7m3	1.430.000	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại PLC
18	Trạm trộn bê tông CVC 90m3/h	3.850.000	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ T.A.P Việt Nam
19	Máy bơm bê tông tĩnh	1.980.000	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thiết bị phụ tùng Hoàng Mai

b. Dự kiến tiến độ thực hiện đầu tư máy móc thiết bị:

Đơn vị tính: Nghìn Đồng

TT	Nội dung tiến hành	Quý 4/2020	Quý 1/2021	Quý 2/2021	Cộng
1	- Lựa chọn và phê duyệt chi tiết dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, cụ thể về thông số kỹ thuật, của từng loại máy móc thiết bị. - Chia danh mục xe máy thiết bị thành từng giai đoạn nhỏ để phù hợp với tiến độ thi công tại các dự án. - Lựa chọn ngân hàng/đơn vị thuê tài chính	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	
2	- Thương thảo ký hợp đồng mua máy móc thiết bị, vay vốn/thuê tài chính	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	

TT	Nội dung tiến hành	Quý 4/2020	Quý 1/2021	Quý 2/2021	Cộng
3	Thanh toán vốn đối ứng và nhận máy móc thiết bị.	11.367.400	11.367.400	11.367.400	34.102.200
4	Tổng cộng	11.367.400	11.367.400	11.367.400	34.102.200

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

c. Dự kiến bổ sung vốn lưu động cho các dự án Công ty đang triển khai thi công với vai trò là tổng thầu EPC:

TT	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Thời gian dự kiến giải ngân	Chủ đầu tư	Bổ sung vốn lưu động (nghìn đồng)
1	Hợp đồng số 07/2019/HĐTC-SCI-SCIE&C ngày 18/10/2019 và Phụ lục bổ sung số 01, 02 về cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình Dự án thủy điện Nam Sam 3 (tại tỉnh Houaphan, Lào)	3.919,5	Tháng 12/2019 đến 30/06/2023	Từ quý IV/2020 đến quý II/2021	CTCP SCI/ Nam Sam 3 Power LTD	35.089.293
2	Hợp đồng số 23/2020/HĐEPC/GELEX 1,2,3 ngày 25/02/2020 về thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình Dự án nhà máy điện gió Gelex 1,2,3 công suất 3x30MW	3.224	25/02/2020 đến 25/10/2021	Từ quý IV/2020 đến quý II/2021	CTCP năng lượng Gelex Quảng Trị	28.862.835
3	Hợp đồng số 38/2019/HĐEPC/ĐGH 2,3 ngày 25/12/2019 về thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 2 công suất 20MW và Hướng Phùng 3 công suất 30MW	1.832	25/12/2019 đến 25/10/2021	Từ quý IV/2020 đến quý II/2021	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	16.400.966
4	Hợp đồng số 08/2019/SCILC/NL1-HĐEPC ngày 10/12/2019 về thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công	240,6	12/2019 đến tháng 12/2022	Từ quý IV/2020 đến quý II/2021	CTCP SCI Lai Châu	2.153.970

TT	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Thời gian dự kiến giải ngân	Chủ đầu tư	Bổ sung vốn lưu động (nghìn đồng)
	trình Dự án thủy điện Nậm Lùm 1					
5	Hợp đồng số 15/2019/SCILC/NL2-HĐEPC ngày 28/02/2019 và Phụ lục bổ sung số 01 về thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình Dự án thủy điện Nậm Lùm 2	518,7	2/2019 đến tháng 12/2021	Từ quý IV/2020 đến quý II/2021	CTCP SCI Lai Châu	4.643.658
6	Hợp đồng số 14/2020/SCILC/NX-HĐEPC ngày 01/04/2020 về thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình Dự án thủy điện Nậm Xe	647,5	4/2020 đến tháng 6/2022	Từ quý IV/2020 đến quý II/2021	CTCP SCI Lai Châu	5.796.738
Tổng cộng		10.382,3				92.947.460

Nguồn: Công ty cổ phần SCI E&C

3. **Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:**
 Trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ – SCIEC – ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020, toàn bộ số cổ phiếu chào bán (12.099.968 cổ phiếu) được bảo lãnh phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX nên đợt chào bán cổ phiếu chắc chắn thành công và Công ty sẽ thu đủ số tiền dự kiến.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 Toà nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, P Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội,

Điện thoại: (84 24) 3868 9566

Fax: (+84 24) 3868 6248

Website: www.kiemtoanava.com.vn

2. Tổ chức tư vấn, Tổ chức bảo lãnh phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888

Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ năm 2020 ngày 25/06/2020, Công ty Cổ phần SCI E&C tiến hành đăng ký chào bán 13.309.964 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 120.999.680.000 đồng lên 254.099.320.000 đồng với mục đích Huy động vốn để tăng vốn điều lệ.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 12.099.968 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 hơn 39%.

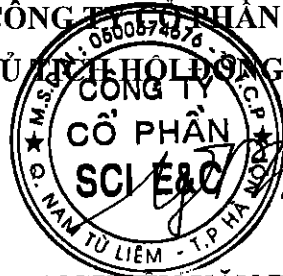
Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh tốt năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020 khả quan của Công ty, đồng thời toàn bộ số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu được Tổ chức bảo lãnh phát hành bảo lãnh theo hình thức cam kết chắc chắn, vì vậy Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty sẽ thành công trong đợt chào bán.

IX. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.
3. Điều lệ công ty.
4. Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2018, năm 2019, Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2018, năm 2019; Báo cáo tài chính công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2020;
5. Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
6. Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến.
7. Sơ yếu lý lịch và thông tin về người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng của tổ chức chào bán;
8. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
9. Tài liệu trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia xác minh lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công ty đang hoạt động;
10. Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu ra công chúng;

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN PHÚC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CHÍNH ĐẠI

KÊ TOÁN TRƯỞNG

CAO LỮ PHI HÙNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX



NGUYỄN THỊ TUYẾT

